

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC

A. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình tổ chức đào tạo thực hiện theo quy định về đào tạo chất lượng cao ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ GD&ĐT và các quy định hiện hành:

- Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được tổ chức bởi các khóa học, kỳ học và năm học:

+ Khóa học được thiết kế cho sinh viên để hoàn thành một chương trình học cụ thể. Thông thường, Khóa học Kiến trúc bậc đại học mất 05 năm để hoàn thành.

+ Một năm học bao gồm 2 học kỳ chính và một học kỳ mùa hè. Học kỳ chính bao gồm 15 tuần học và 3 - 4 tuần thi. Học kỳ mùa hè bao gồm 5 tuần học và 1 tuần thi.

- Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình bao gồm: thời lượng thiết kế của chương trình (05 năm), cộng với 4 học kỳ bổ sung (áp dụng cho chương trình có thời gian đào tạo từ 3 đến 5 năm).

- Điều kiện tốt nghiệp: theo Khoản 1 Điều 26 “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 268/ĐHKB-ĐT ngày 7 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

g) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường (TOEIC quốc tế, tối thiểu 600);

h) Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định của Trường (có chứng chỉ CNTT cơ bản).

- Sinh viên học vượt và đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn so với thời gian thiết kế của khóa học thì phải làm đơn xin công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

- Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc chậm tiến độ so với thời gian thiết kế của khóa học nhưng vẫn muốn tiếp tục học để nâng điểm trung bình chung tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

- Hội đồng xét tốt nghiệp họp để xét tốt nghiệp cho các sinh viên có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Quyết định 268/QĐ-ĐHBK.

- Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

II. Cách thức đánh giá

1. Đánh giá kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường sử dụng 4 tiêu chí: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

1.1. Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi;

1.2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó;

1.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được (điểm theo thang 4 là từ 1,0 trở lên), tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét;

1.4. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được (điểm theo thang 4 là từ 1,0 trở lên) tính từ đầu khóa học

2. Đánh giá học phần

2.1. Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số không dưới 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức này.

2.2. Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2.3. Kiểm tra giữa kỳ: Giảng viên phụ trách lớp học phần bố trí kiểm tra giữa kỳ trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

2.4. Thi kết thúc học phần

- Sinh viên nào vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho sinh viên đó dự thi cuối kỳ.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp sắp xếp và ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá sau:

- Đánh giá chuyên cần
- Bài tập tại lớp, bài tập về nhà
- Đánh giá thuyết trình
- Kiểm tra viết
- Kiểm tra trắc nghiệm
- Bảo vệ và thi vấn đáp
- Đánh giá bản báo cáo, tiểu luận
- Đánh giá làm việc nhóm

a. Phân loại phương pháp đánh giá

Các quy trình đánh giá khác nhau có các phương pháp đánh giá khác nhau:

❖ *Theo quy mô:*

Hai loại đánh giá: Đánh giá quy mô lớn và Đánh giá lớp học.

➤ *Đánh giá quy mô lớn:* thường được tiến hành trên một số lượng lớn sinh viên để cung cấp thông tin về thành tích học tập của khóa học để Khoa có thể đưa ra quyết định phù hợp và hướng đào tạo phù hợp.

➤ *Đánh giá lớp học (đánh giá mô-đun):* Các đánh giá diễn ra thường xuyên diễn ra trong suốt khóa học, với quy mô của một lớp học mô-đun được thực hiện bởi một người hướng dẫn theo nhiều cách khác nhau. Loại đánh giá này nhằm mục đích cung cấp thông tin và giúp cải thiện chất lượng giảng dạy và thúc đẩy sự tiến bộ của từng sinh viên.

❖ *Bảng quá trình học tập:*

Ba loại đánh giá: Đánh giá chẩn đoán, Đánh giá quá trình, Đánh giá tổng kết.

➤ *Đánh giá chẩn đoán:* Thường được thực hiện vào đầu giai đoạn dạy và học, nhằm cung cấp tình trạng ban đầu về chất lượng của sinh viên, giúp các giảng viên hiểu được tình hình phát triển các kế hoạch giáo dục phù hợp.

➤ *Đánh giá quá trình:* Thường xuyên thực hiện trong toàn bộ khóa học. Mục tiêu, nội dung, phương pháp... giống như trong lớp học.

➤ *Đánh giá tổng kết:* Thường được thực hiện sau một thời gian giảng dạy và học tập để xác định kết quả vào cuối mỗi giai đoạn như kỳ thi cuối kỳ hoặc kỳ thi tốt nghiệp.

❖ *Bảng mục tiêu dạy và học:*

Hai loại đánh giá: Đánh giá để học tập và Đánh giá học tập.

➤ *Đánh giá để học tập:* đang diễn ra, trong khóa học, và kết quả không nhằm cung cấp cho sinh viên chứng chỉ mà cung cấp phản hồi về chất lượng học tập nhằm cải thiện phương pháp dạy và học để giúp sinh viên tiến bộ.

➤ *Đánh giá học tập:* thường được thực hiện vào cuối mỗi giai đoạn để phân loại công nhận, mức độ, việc làm ...

b. Khóa học, học kỳ và đánh giá mô-đun

Trong chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, ba chiến lược đánh giá cơ bản bao gồm đánh giá chẩn đoán, đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ được sử dụng làm phương pháp đánh giá cho cả khóa học và mô-đun.

b.1. Đánh giá Khóa học:

➤ *Đánh giá chẩn đoán:* thông qua tiêu chuẩn tuyển sinh các chuyên ngành được lựa chọn theo quy định tuyển sinh của Bộ GD & ĐT và Đại học Đà Nẵng.

➤ *Đánh giá quá trình:* tuân thủ các quy định của Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 268/QĐ-ĐHBK của trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

➤ *Đánh giá tổng kết:* là đánh giá quan trọng, diễn ra sau khi người học học xong chương trình đào tạo nhằm đảm bảo các chuẩn đầu ra của chương trình đã đạt được. Việc đánh giá tuân thủ các quy định của Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 268/QĐ-ĐHBK của trường Đại học Bách khoa.

b.2. Đánh giá học kỳ:

➤ *Đánh giá chẩn đoán:* người học sẽ được đánh giá về và cảnh báo khả năng hội đủ điều kiện để đăng ký các học phần trong học kỳ tiếp theo, dựa trên các kết quả học tập tích lũy của những kỳ trước.

➤ *Đánh giá tổng kết:* Người học sẽ được đánh giá liệu họ có hội đủ điều kiện để đăng ký các học phần trong các học kỳ tiếp theo hay không và số lượng học phần (tín chỉ) tối đa được phép đăng ký).

b.3. Đánh giá mô-đun (học phần):

➤ *Đánh giá chẩn đoán:* cung cấp tình trạng ban đầu về chất lượng của người học khi bắt đầu khóa học. Đánh giá chẩn đoán được thực hiện dựa trên các điều kiện tiên quyết và điều kiện để đăng ký mô-đun đó trong chương trình đào tạo.

➤ *Đánh giá quá trình:* được thực hiện thường xuyên trong thời gian dạy học để cung cấp phản hồi về chất lượng học tập của học sinh, từ đó cải tiến các phương pháp dạy và

học để giúp người học đạt kết quả cao hơn. Các phương pháp đánh giá được sử dụng phổ biến gồm có:

- *Đặt câu hỏi trực tiếp*: là phương pháp đánh giá thông qua hành vi, cử chỉ, thái độ và câu hỏi được sử dụng trong suốt hoặc vào cuối mỗi buổi học để đánh giá sự hiểu biết của người học. Các bài kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra kiến thức lý thuyết hoặc các kỹ năng thực hành.

- *Chuyên cần*: Thông qua việc điểm danh tham dự các buổi học theo quy định. .

- *Bài tập về nhà*: là loại câu hỏi được đưa ra ở buổi học trước, được báo cáo trong buổi học tiếp theo để đánh giá hiểu biết của học sinh về các bài giảng trước.

➤ *Đánh giá tổng kết*: thường được tiến hành sau một thời gian giảng dạy và học tập để xác định kết quả vào cuối giai đoạn đó, thường là cuối mỗi học kỳ. Một số phương thức đánh giá thường được áp dụng cho các mô-đun trong chương trình đào tạo gồm:

- *Bài tập/dự án nhỏ*: Trong một số môn học, các bài tập chính như vậy, các báo cáo bằng văn bản, bài thuyết trình hoặc bài tập đã được thiết lập cho các bài kiểm tra truyền thống. Hình thức đánh giá này có thể được cá nhân hoá hoặc nhóm. Người học sẽ chọn chủ đề hoặc được phân công bởi giảng viên, tài liệu nghiên cứu liên quan và báo cáo kết quả. Phương pháp này có thể được sử dụng để đánh giá các học phần lý thuyết cũng như thực hành.

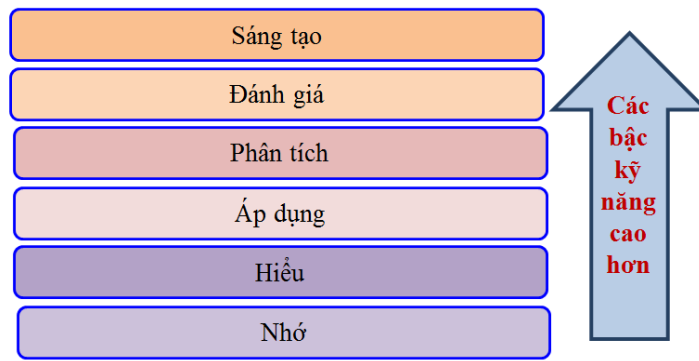
- *Dự án*: là cách đánh giá người học thông qua các dự án thực tế. Loại đánh giá này đặc biệt thích hợp cho sinh viên ngành kiến trúc. Người học phải trình bày các dự án cuối cùng của mình cho các sinh viên khác và giáo viên hướng dẫn và được đánh giá theo một rubric chuẩn chung của chương trình.

- *Bài kiểm tra viết*: Đánh giá khả năng của người học để có được kiến thức và hiểu biết toàn diện sau một quá trình học tập nhất định. Bài kiểm tra được thiết kế dưới dạng các bài kiểm tra trắc nghiệm, bài tiểu luận hoặc bài tập, có thể ở hình thức đề mở hoặc đóng

❖ *Tiêu chí đánh giá mô-đun (học phần)*:

Có hai hệ thống tiêu chuẩn thường được sử dụng để đánh giá một mô-đun (học phần): phân loại của Bloom và thang đánh giá theo rubric:

➤ *Phân loại của Bloom*: là một nền tảng để thiết lập mục tiêu, hệ thống hóa các câu hỏi và bài tập để kiểm tra kết quả học tập. Nhận thức của học sinh sẽ được đánh giá qua các kỳ thi viết hoặc vấn đáp với 6 cấp độ từ thấp đến cao.



Mức độ suy nghĩ bao gồm:

1. *Ghi nhớ*: là khả năng ghi nhớ và xác định thông tin. Hãy nhớ rằng, được hiểu là thu hồi kiến thức đã học và được lặp lại, là cần thiết cho tất cả các cấp độ suy nghĩ.

2. *Hiểu biết*: là khả năng hiểu, diễn giải hoặc phỏng đoán (dự đoán kết quả hoặc hậu quả). Sự hiểu biết không chỉ là làm thay đổi một cái gì đó mà còn phải được thể hiện các khái niệm của sinh viên qua từ ngữ của riêng mình.

3. *Áp dụng*: là khả năng sử dụng thông tin và chuyển giao kiến thức từ dạng này sang dạng khác (sử dụng kiến thức đã học trong các ngữ cảnh không quen thuộc). Vận dụng là sự khởi đầu của tư duy một cách sáng tạo, có nghĩa là áp dụng những gì đã học được cho cuộc sống hay những tình huống mới.

4. *Phân tích*: là khả năng xác định và phân biệt các thành phần của thông tin hoặc tình huống một cách chi tiết. Mức này yêu cầu khả năng phân phối các đối tượng thành các thành phần nhỏ hơn để hiểu rõ hơn cấu trúc của chúng.

5. *Đánh giá*: là khả năng đánh giá các giá trị hoặc khai thác được thông tin theo các tiêu chí thích hợp (được hỗ trợ bởi các lý luận / bàn thảo). Yêu cầu để xác định cấp độ này là sinh viên phải có khả năng giải thích đúng lý do tại sao sử dụng các bàn thảo này để bảo vệ quan điểm đánh giá của mình.

6. *Sáng tạo*: là khả năng tích hợp các yếu tố thành phần để tạo thành một tổng thể lớn hơn. Yêu cầu cho cấp độ này là sinh viên phải sử dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để thiết kế, sáng tạo một sản phẩm/dự án hoàn toàn mới.

c. Phiếu đánh giá điểm:

Phiếu đánh giá điểm: dựa trên các tiêu chí nhất định, cho biết tiêu chí nào sẽ được đánh giá và mức tiêu chí nào sẽ được sử dụng. Tùy thuộc vào chức năng và mục đích của việc đánh giá, phiếu đánh giá điểm có thể được chia thành hai nhóm: tổng thể và phân tích.

■ *Phiếu đánh giá điểm tổng thể (holistic rubric)*: thường được sử dụng để đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện các tác vụ được yêu cầu hoặc hoàn thành một sản phẩm cụ thể. Phiếu đánh giá điểm này không yêu cầu mô tả chi tiết các tiêu chí của từng giai đoạn hoặc

kết quả trung bình. Phiếu đánh giá điểm có dạng chung như sau (ví dụ: đối với thang điểm 10):

Điểm	Mô tả
10	
9	
...	
0	

■ *Phiếu đánh giá điểm phân tích (Analytic rubric)*: được sử dụng để đánh giá điểm số theo tiêu chí cụ thể hoặc kết quả trung gian của người học trong khóa học. Điểm số cho mỗi tiêu chí sẽ được thêm vào điểm số cuối cùng. Phiếu đánh giá phân tích yêu cầu mô tả chi tiết các tiêu chí, cấp độ và điểm số cho từng tiêu chí.

Cấp độ 1	Cấp độ 2	...	Cấp độ k	Điểm
Tiêu chí 1				
Tiêu chí 2				
...				
Tiêu chí n				
Tổng cộng				

Các số liệu phân tích sau được sử dụng để phân loại các số liệu trong chương trình đào tạo ngành Kiến trúc.

● **Phiếu đánh giá điểm cho đồ án tốt nghiệp:**

- Đánh giá đồ án tốt nghiệp được sử dụng để đánh giá sinh viên năm cuối, giúp tổng hợp toàn bộ các kiến thức trong suốt toàn bộ chương trình giảng dạy, thể hiện sự phát triển tổng thể về khả năng và thành tích học tập; chuyển đổi tư duy sang giai đoạn tiếp theo (làm việc hoặc học cao hơn).

- Cán bộ hướng dẫn thường thảo luận về dự án tốt nghiệp với sinh viên để xác định hình thức, quy trình làm việc và đánh giá sinh viên. Sinh viên thường hoàn thành công việc của mình để đáp ứng các mục tiêu đánh giá bao gồm một báo cáo bằng văn bản của mô hình thực tế hoặc mô hình mô phỏng, thuyết trình và thi vấn đáp về nội dung thực hiện và được đánh giá theo các quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-ĐHBK và Quy định về đồ án tốt nghiệp của các chương trình đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-ĐHBK ngày 06/3/2017 của trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng.

●Phiếu đánh giá điểm hoạt động nhóm: Mã đánh giá: GR.001

Tiêu chí	1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Làm việc nhóm/ Quản lý thời gian	Không tham gia đầy đủ các buổi làm việc của nhóm. Không có tinh thần tập thể.	Có tham gia các buổi làm việc của nhóm. Chưa ý thức tốt tinh thần tập thể.	Có tham gia đầy đủ các buổi làm việc của nhóm. Có tinh thần tập thể.	Tham gia đầy đủ và nhiệt tình các buổi làm việc của nhóm. Tinh thần tập thể tốt.	Tham gia đầy đủ và rất nhiệt tình các buổi làm việc của nhóm. Tinh thần tập thể rất cao, luôn vì lợi ích của nhóm.	30%
Đóng góp	Bảo thủ, không hòa đồng làm việc cùng nhóm.	Có đóng góp ý kiến nhưng với tinh thần bị động, không cầu tiến.	Tham gia đóng góp ý kiến, hòa nhã với các thành viên khác.	Đóng góp ý kiến, hòa nhã với các thành viên khác. Luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên.	Đóng góp ý kiến, hòa nhã với các thành viên khác. Luôn lắng nghe, kiên nhẫn và tôn trọng ý kiến của các thành viên.	50%
Lãnh đạo	Ít tham gia các hoạt động của nhóm. Chưa hoàn thành các nhiệm vụ.	Có thể giúp đỡ các thành viên trong nhóm ở mức thấp. Hoàn thành các nhiệm vụ với chất lượng chưa tốt.	Luôn nhiệt tình giúp đỡ các thành viên trong nhóm. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ.	Có kỹ năng lãnh đạo nhóm. Luôn nhiệt tình giúp đỡ các thành viên trong nhóm. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ.	Có kỹ năng lãnh đạo nhóm. Luôn nhiệt tình giúp đỡ các thành viên. Có khả năng phân công và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Có khả năng phát huy tối đa khả năng của từng thành viên trong nhóm.	20%
Đánh giá	0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm thuyết trình: Mã đánh giá: GR.002

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Thuyết trình	Nội dung	Phần trình bày không tốt.	Phần trình bày chưa tốt, chủ yếu đọc lại theo phần đã chuẩn bị.	Phần trình bày khá, vẫn còn đọc lại theo phần đã chuẩn bị.	Phần trình bày tốt, đúng trọng tâm. Phần trình bày còn hơi rụt rè chưa tự tin.	Phần trình bày rất cô đọng, đúng trọng tâm. Cách thức chuẩn bị bài thuyết trình rất tốt, cuốn hút người nghe.	50%
	Hỏi đáp	Không trả lời được câu hỏi.	Trả lời được 1 phần câu hỏi, lan man không đúng trọng tâm.	Trả lời được câu hỏi ở mức cơ bản, một số câu trả lời chưa đúng trọng tâm.	Trả lời được các câu hỏi rõ ràng, một số còn chưa đúng trọng tâm.	Trả lời được tất cả các câu hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm.	40%
	Phong cách trình bày	Khả năng trình bày không đạt yêu cầu, không có sự tương tác với người nghe.	Khả năng trình bày cơ bản đạt yêu cầu, vẫn còn thiếu tự tin. Thiếu tương tác với người nghe. Giọng nói còn nhỏ	Khả năng trình bày cơ bản đạt yêu cầu. Cần tương tác với người nghe nhiều hơn. Trả lời các câu hỏi chưa được tự tin.	Khả năng trình bày tốt. Có sự tương tác với người nghe. Trả lời các câu hỏi to, rõ ràng.	Khả năng trình bày tốt. Có sự tương tác với người nghe. Trả lời các câu hỏi to, rõ ràng, phong thái rất tự tin.	10%
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm tham quan kiến trúc: Mã đánh giá: GR.003

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Quản lý thời gian		Không tham gia đầy đủ các buổi tham quan nhận thức theo quy định. Không có tinh thần tập thể.	Có tham gia các buổi tham quan nhận thức theo quy định. Chưa ý thức tốt tinh thần tập thể.	Có tham gia đầy đủ các buổi tham quan nhận thức theo quy định. Có ý thức tinh thần tập thể.	Tham gia đầy đủ và nhiệt tình trong các buổi tham quan nhận thức theo quy định. Tinh thần tập thể tốt.	Tham gia đầy đủ và rất nhiệt tình trong các buổi tham quan nhận thức theo quy định. Tinh thần tập thể rất cao, luôn vì lợi ích của tập thể.	40%

Viết báo cáo	Nội dung	Nội dung quá sơ sài, không đảm bảo đúng các yêu cầu của đợt tham quan nhận thức.	Nội dung trình bày tương đối đầy đủ, chưa đảm bảo các yêu cầu cơ bản theo lịch trình của đợt tham quan nhận thức.	Nội dung trình bày tương đối đầy đủ, đảm bảo các yêu cầu cơ bản theo lịch trình của đợt tham quan nhận thức.	Nội dung trình bày khá đầy đủ, đảm bảo các yêu cầu theo lịch trình của đợt tham quan nhận thức.	Nội dung trình bày rất đầy đủ, chi tiết cụ thể đảm bảo các yêu cầu theo đúng lịch trình của đợt tham quan nhận thức.	20%
	Cách trình bày	Trình bày không rõ ràng, cấu trúc chưa đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu.	Trình bày tương đối rõ ràng, cần điều chỉnh theo yêu cầu.	Trình bày rõ ràng, cấu trúc tương đối hoàn chỉnh theo yêu cầu.	Trình bày rõ ràng, cấu trúc hoàn chỉnh theo yêu cầu.	Trình bày rõ ràng, cấu trúc hoàn chỉnh. Có sáng tạo tạo ấn tượng trong các thức thể hiện.	10%
	Chất lượng	Chất lượng bài báo cáo không đạt yêu cầu.	Chất lượng bài báo cáo tương đối đạt yêu cầu. Chưa được đầu tư tỉ mỉ cẩn thận.	Chất lượng bài báo cáo đạt yêu cầu cơ bản. Có đầu tư bài làm tuy chưa cao.	Chất lượng bài báo cáo tốt. Đầu tư bài làm rõ ràng, đạt yêu cầu về thẩm mỹ.	Chất lượng bài báo cáo rất tốt. Đầu tư rất công phu phần hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng đạt yêu cầu về thẩm mỹ.	10%
Thuyết trình	Nội dung trình bày	Phần trình bày không tốt.	Phần trình bày chưa tốt, chủ yếu đọc lại theo phần đã chuẩn bị.	Phần trình bày khá, vẫn còn đọc lại theo phần đã chuẩn bị.	Phần trình bày tốt, đúng trọng tâm. Phần trình bày còn hơi rụt rè chưa tự tin.	Phần trình bày rất cô đọng, đúng trọng tâm. Cách thức chuẩn bị bài thuyết trình rất tốt, cuốn hút người nghe.	10%
	Trả lời câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi.	Trả lời được 1 phần câu hỏi, lan man không đúng trọng tâm.	Trả lời được câu hỏi ở mức cơ bản, một số câu trả lời chưa đúng trọng tâm.	Trả lời được các câu hỏi rõ ràng, một số còn chưa đúng trọng tâm.	Trả lời được tất cả các câu hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm.	8%
	Phong cách trình bày	Khả năng trình bày không đạt yêu cầu, không có sự tương tác với	Khả năng trình bày cơ bản đạt yêu cầu, vẫn còn thiếu tự tin. Thiếu tương	Khả năng trình bày cơ bản đạt yêu cầu. Cần tương tác với người nghe nhiều	Khả năng trình bày tốt. Có sự tương tác với người nghe. Trả lời các câu hỏi	Khả năng trình bày tốt. Có sự tương tác với người nghe. Trả lời các câu hỏi to, rõ	2%

		người nghe.	tác với người nghe. Giọng nói còn nhỏ	hơn. Trả lời các câu hỏi chưa được tự tin.	to, rõ ràng.	ràng, phong thái rất tự tin.	
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm đồ án kiến trúc: Mã đánh giá: GR.004

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Quản lý thời gian		Không tham gia đầy đủ các buổi làm việc theo yêu cầu của GVHD.	Có tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của GVHD.	Có tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của GVHD. Có ý thức làm việc.	Có tham gia đầy đủ các buổi làm việc theo yêu cầu của GVHD. Có ý thức làm việc tốt.	Có tham gia đầy đủ và nhiệt tình trong các buổi làm việc theo yêu cầu của GVHD. Có ý thức làm việc rất tốt.	20%
Thể hiện	Ý tưởng	Chưa có ý tưởng rõ ràng.	Có ý tưởng tương đối rõ ràng.	Ý tưởng rõ ràng, có thể phát triển thêm cho phù hợp yêu cầu.	Ý tưởng tốt, phù hợp yêu cầu.	Ý tưởng rất tốt, phù hợp với yêu cầu, có tính nhân văn. Hoặc ý tưởng có tính thời đại...	10%
	Công năng	Công năng công trình chưa đảm bảo các yêu cầu cơ bản để sử dụng, gây khó khăn.	Công năng công trình đảm bảo các yêu cầu cơ bản để sử dụng.	Công năng công trình đảm bảo các yêu cầu cơ bản để sử dụng.	Công năng công trình gần hoàn chỉnh, có thể sử dụng một cách dễ dàng.	Công năng công trình hoàn chỉnh, dễ sử dụng.	10%
	Độ bền	Công trình được thiết kế không đảm bảo yêu cầu về tính bền vững.	Công trình được thiết kế đảm bảo cơ bản yêu cầu về tính bền vững.	Công trình được thiết kế đảm bảo yêu cầu. Tuy nhiên cần phải điều chỉnh nếu muốn áp dụng vào thực tế.	Công trình được thiết kế đảm bảo yêu cầu. Có giá trị sử dụng nếu áp dụng vào thực tế.	Công trình được thiết kế đảm bảo yêu cầu. Có giá trị sử dụng lâu dài nếu áp dụng vào thực tế.	10%
	Thảm	Công trình chưa	Công trình đạt	Công trình đạt hiệu	Công trình đạt hiệu	Công trình đạt hiệu quả	10%

	mỹ	đạt yêu cầu về thẩm mỹ.	hiệu quả thẩm mỹ, tuy cần phải điều chỉnh cho phù hợp.	quả thẩm mỹ ở mức cơ bản.	quả thẩm mỹ tốt.	thẩm mỹ cao, thân thiện với môi trường.	
	Tính thực tiễn	Công trình không thể áp dụng vào thực tế.	Công trình thể áp dụng vào thực tế.	Công trình có thể áp dụng vào thực tế, tuy nhiên cần phải cân nhắc, điều chỉnh cho phù hợp thực tế.	Công trình có thể áp dụng vào thực tế. Có tính ứng dụng cao.	Công trình có thể áp dụng vào thực tế. Có tính ứng dụng rất cao, thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững.	10%
	Minh họa/ thể hiện	Chất lượng đồ án không đạt yêu cầu.	Chất lượng đồ án tương đối đạt yêu cầu. Chưa được đầu tư tỉ mỉ cẩn thận.	Chất lượng đồ án đạt yêu cầu cơ bản. Có đầu tư bài làm tuy chưa cao.	Chất lượng đồ án tốt. Đầu tư bài làm rõ ràng, đạt yêu cầu về thẩm mỹ.	Chất lượng đồ án rất tốt. Đầu tư rất công phu phần hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng đạt yêu cầu về thẩm mỹ.	10%
Thuyết trình	Nội dung trình bày	Phần trình bày không tốt.	Phần trình bày chưa tốt, chủ yếu đọc lại theo phần đã chuẩn bị.	Phần trình bày khá, vẫn còn đọc lại theo phần đã chuẩn bị.	Phần trình bày tốt, đúng trọng tâm. Phần trình bày còn hơi rụt rè chưa tự tin.	Phần trình bày rất cô đọng, đúng trọng tâm. Cách thức chuẩn bị bài thuyết trình rất tốt, cuốn hút người nghe.	5%
	Trả lời câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi.	Trả lời được 1 phần câu hỏi, lan man không đúng trọng tâm.	Trả lời được câu hỏi ở mức cơ bản, một số câu trả lời chưa đúng trọng tâm.	Trả lời được các câu hỏi rõ ràng, một số còn chưa đúng trọng tâm.	Trả lời được tất cả các câu hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm.	10%
	Phong cách trình bày	Khả năng trình bày không đạt yêu cầu, không có sự tương tác với người nghe.	Khả năng trình bày cơ bản đạt yêu cầu, vẫn còn thiếu tự tin. Thiếu	Khả năng trình bày cơ bản đạt yêu cầu. Cần tương tác với người nghe nhiều hơn. Trả lời các câu	Khả năng trình bày tốt. Có sự tương tác với người nghe. Trả lời các câu hỏi to, rõ ràng.	Khả năng trình bày tốt. Có sự tương tác với người nghe. Trả lời các câu hỏi to, rõ ràng, phong thái rất tự tin.	5%

			trương tác với người nghe. Giọng nói còn nhỏ	hỏi chưa được tự tin.			
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

Lưu ý: Nếu khóa học yêu cầu làm việc theo nhóm, giảng viên có thể sửa đổi trọng số chấm điểm theo yêu cầu của khóa học.

● Phiếu đánh giá điểm thực tập tốt nghiệp:

- Chuyên cần: 30%

- Bảo vệ (Kiểm tra vấn đáp): 70%

●Phiếu đánh giá điểm viết báo cáo: Mã đánh giá: GR.007

Tiêu chí	1-Không đủ	2-Đủ	3- Giỏi	4-Xuất sắc	Trọng số điểm
Cách tổ chức	Báo cáo là không logic, không mạch lạc và có nhiều lỗi.	Báo cáo chặt chẽ và được tổ chức tốt. Tuy nhiên, một số ý kiến lại không được chuyển tải một cách hợp lý trong toàn bộ báo cáo.	Báo cáo được viết tốt và được tổ chức tốt. Nội dung phù hợp.	Báo cáo được viết tốt. Ý tưởng và ý kiến được khợp nối hợp lý. Nội dung rất nhất quán.	15%
Nội dung	Hầu hết các ý tưởng không được phát triển đầy đủ và không phải là bản gốc.	Báo cáo có ý tưởng, góc nhìn, và lý lẽ ở mức độ giới hạn.	Báo cáo có ý tưởng sáng tạo ở mức độ cao. Quan điểm được củng cố bởi các minh chứng chắc chắn.	Báo cáo có ý tưởng được phân tích cẩn thận, lý lẽ sáng tạo và minh chứng chắc chắn.	30%
Phát triển ý tưởng	Luận điểm chính không được phát triển chi tiết, ý tưởng mơ hồ, không đủ lý lẽ và tư duy phê phán.	Luận điểm chính được phát triển chi tiết tuy nhiên còn hạn chế, tư duy phê phán còn hạn chế	Luận điểm chính được phát triển khá tốt. Các chi tiết đầy đủ và ý nghĩa; Tư duy phê phán được trình bày trong lý lẽ	Luận điểm chính được phát triển tốt; Các chi tiết ý nghĩa và phong phú; Tư duy phê phán được trình bày tốt.	15%
Ngữ pháp, cấu trúc	Lỗi ngữ pháp và chính tả làm cho người đọc khó hiểu văn bản. Báo cáo có	Lỗi của hầu hết các cấu trúc cơ bản không ảnh hưởng đến việc hiểu văn	Các lỗi trong cấu trúc ngữ pháp không ảnh hưởng đến việc hiểu văn bản; Báo cáo	Không có lỗi cấu trúc ngữ pháp; Báo cáo không có lỗi định dạng và đánh máy.	15%

	nhiều lỗi về định dạng và đánh máy.	bản. Báo cáo có một số lỗi định dạng và đánh máy.	có ít lỗi định dạng và đánh máy.		
Văn phong	Sử dụng từ vựng hạn chế và cấu trúc cú pháp cơ bản; văn phong nghèo nàn.	Cách sử dụng từ vựng tương đối tốt, cấu trúc cú pháp và lý lẽ đạt trình độ đại học.	Văn phong tốt đạt trình độ đại học; cấu trúc câu đa dạng và ấn tượng; và hùng biện được sử dụng để nhấn mạnh nội dung.	Văn phong xuất sắc vượt quá trình độ đại học; cấu trúc câu phức và sáng tạo được sử dụng với khả năng hùng hồn biện hùng hồn.	15%
Định dạng	Căn chỉnh, định dạng cơ bản, bố cục, đoạn văn, khoảng cách dòng chưa thống nhất; trình bày không rõ ràng.	Căn chỉnh, định dạng cơ bản, bố cục, đoạn văn, khoảng cách dòng tương đối tốt; trình bày rõ ràng nhưng một số đoạn văn không được kết nối đúng cách.	Căn chỉnh, định dạng cơ bản, bố cục, đoạn văn, khoảng cách dòng tốt, thống nhất; trình bày rõ ràng với các đoạn được kết nối đúng cách	Căn chỉnh, định dạng cơ bản, bố cục, đoạn văn, khoảng cách dòng xuất sắc; trình bày rõ ràng với các đoạn được kết nối xuất sắc	10%
Tổng cộng:	0-4	5-6	7-8	9-10	

Ngoài phiếu đánh giá điểm chung cho một số khóa học, Khoa còn có một số phiếu đánh giá điểm cụ thể cho một số khóa học cụ thể.

● Phiếu đánh giá điểm bài tập mô phỏng: Mã đánh giá: SR. 001

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
	Trình tự bước thực hiện	Không đúng trình tự	Trình tự lộn xộn, nhưng vẫn chấp nhận được	Đúng trình tự	Đúng trình tự, có trả lời được câu hỏi giáo viên	Đúng trình tự, giải thích cặn kẽ lý do từng bước thực hiện	30%
	Nhập Tham số mô phỏng	Nhập sai hoàn toàn	Nhập sai một vài tham số không quan trọng	Nhập đúng tham số	Nhập đúng tham số, giải thích ý nghĩa tham số	Nhập đúng tham số, giải thích ý nghĩa tham số và giá trị tham số	30%
	Kết quả mô phỏng	Không có kết quả	Có kết quả sơ bộ, nhưng không	Có kết quả đúng, nhưng không giải	Có kết quả đúng, giải thích kết quả tốt	Có kết quả đúng, giải thích kết quả	40%

			đúng	thích được		tốt, có phân tích mở rộng kết quả	
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm bài tập mỹ thuật (các bản vẽ nghiên cứu về cuộc sống và cảnh quan): Mã đánh giá: GR.005.NCI

Tiêu chí		1 – Rớt	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Thể hiện	Dựng hình	Tỉ lệ, phối cảnh sai nhiều. Hình quá lớn hoặc quá nhỏ, bố cục quá lệch, quá mất cân đối. Mảng hình đều đều, quá đơn điệu. Nhiều mảng hình rơi vào trường hợp đặc biệt, góc chết.	Tỉ lệ, phối cảnh sai ít. Hình hơi lớn hoặc hơi nhỏ, bố cục hơi lệch, hơi mất cân đối. Mảng hình đơn điệu	Tỉ lệ, phối cảnh đúng. Độ lớn hình vừa phải, bố cục cân đối. Góc nhìn thuận mắt	Tỉ lệ, phối cảnh đúng. Hình vừa phải, bố cục cân đối. Góc nhìn thuận mắt, mảng hình có nhịp điệu, vui mắt	Tỉ lệ, phối cảnh đúng. Hình vừa phải, bố cục cân đối. Góc nhìn đẹp, mảng hình có nhịp điệu. Có trọng tâm, vui mắt và gây được cảm xúc	30%
	Màu sắc hoặc sắc độ	Dùng màu sồng, xỉn, quá nghèo nàn. Sắc độ đều hoặc quá tranh chấp, lôm đóm, vụn-nát hình mảng; quá đậm hoặt quá nhạt nhạt.	Dùng màu còn sồng, xỉn, nghèo. Sắc độ hơi đều hoặc hơi tranh chấp; hơi đậm hoặc hơi nhạt	Dùng màu, phối màu tương đối đẹp. Đủ ba sắc độ cơ bản và tương đối phong phú, độ chuyên phù hợp	Dùng màu đẹp, hòa sắc khá, có gam màu chủ đạo. Sắc độ khá phong phú, độ chuyên hài hòa, linh hoặt	Dùng màu đẹp, hòa sắc tốt, có gam màu chủ đạo, gây được cảm xúc và phong cách riêng. Sắc độ rất phong phú, độ chuyên hài hòa, sinh động, gọi được cảm xúc	40%
	Kỹ thuật sử dụng chất liệu	Không thể hiện được đặc trưng, ưu điểm của chất liệu	Thể hiện không rõ đặc trưng, ưu điểm của chất liệu	Thể hiện được đặc trưng, ưu điểm của chất liệu	Thể hiện rõ đặc trưng, ưu điểm của chất liệu; bút pháp linh hoặt	Thể hiện tốt đặc trưng, ưu điểm của chất liệu; bút pháp linh hoặt, có phong cách riêng, độc đáo	30%

Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	
----------	--	-----	-----	-----	-----	----	--

● Phiếu đánh giá bài tập mỹ thuật (bản vẽ nghiên cứu về chân dung và tượng): Mã đánh giá: GR.005.NC2

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Thể hiện	Dụng hình	Tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc điểm sai nhiều. Hình quá lớn hoặc quá nhỏ, bố cục quá lệch, quá mất cân đối. Góc nhìn rơi vào trường hợp đặc biệt. Đường nét quá đơn giản hoặc quá rối, đều, đơn điệu	Tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc điểm sai ít. Hình hơi lớn hoặc hơi nhỏ, bố cục hơi lệch, hơi mất cân đối. Góc nhìn không đẹp. Đường nét còn đơn giản hoặc rườm rà	Tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc điểm đúng. Độ lớn hình vừa phải, bố cục cân đối. Góc nhìn thuận mắt và tự nhiên. Đường nét vừa phải và phù hợp	Tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc điểm đúng. Hình vừa phải, bố cục cân đối. Góc nhìn đẹp. Đường nét linh hoạt và gợi được cảm giác khối	Tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc điểm đúng. Hình vừa phải, bố cục cân đối. Góc nhìn đẹp và độc đáo. Đường nét linh hoạt, sinh động và gợi được khối, chiều sâu không gian,	30%
	Sắc độ	Sắc độ đều hoặc quá tranh chấp, lốm đốm, vụn-nát hình mảng; quá đậm hoặc quá nhạt nhạt. Không thể hiện được khối	Sắc độ hơi đều hoặc hơi tranh chấp; hơi đậm hoặc hơi nhạt. Thể hiện khối không rõ	Đủ ba sắc độ cơ bản và tương đối phong phú, độ chuyển phù hợp. Khối rõ ràng	Sắc độ khá phong phú, độ chuyển hài hòa, linh hoạt. Khối căng	Sắc độ rất phong phú, độ chuyển hài hòa, sinh động, gợi được cảm xúc. Khối đẹp, sinh động	40%
	Kỹ thuật sử dụng chất liệu	Không thể hiện được đặc trưng, ưu điểm của chất liệu	Thể hiện không rõ đặc trưng, ưu điểm của chất liệu	Thể hiện được đặc trưng, ưu điểm của chất liệu	Thể hiện rõ đặc trưng, ưu điểm của chất liệu; bút pháp linh hoạt	Thể hiện tốt đặc trưng, ưu điểm của chất liệu; bút pháp linh hoạt, có phong cách riêng, độc đáo	30%
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm bài tập nghệ thuật (công trình trang trí sáng tạo và trang trí kiến trúc): Mã đánh giá: GR.005.ST

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
	Hình thức thể hiện	Thiếu thành phần và bố cục, trình bày xấu, sơ sài, không nghiêm túc. Tô màu mỏng, không đều, không kín giấy, lem nhem	Bố cục các thành phần và trình bày thiếu thẩm mỹ, đơn giản, chưa nghiêm túc. Tô màu chưa đều, chưa sắc sảo	Bố cục các thành phần và trình bày có thẩm mỹ, nghiêm túc. Tô màu đều, sắc sảo	Bố cục các thành phần và trình bày đẹp, nghiêm túc. Tô màu mịn, sắc sảo	Bố cục các thành phần và trình bày đẹp, độc đáo và hấp dẫn. Tô màu mịn, sắc sảo	20%
	Họa tiết, hình mảng	Hình mảng, họa tiết chưa được cách điệu, khái quát hóa; không có chính phụ, trọng tâm, không kết nối	Hình mảng, họa tiết cách điệu, khái quát hóa xấu; không rõ chính phụ, trọng tâm, kết nối yếu	Hình mảng, họa tiết cách điệu, khái quát hóa đạt yêu cầu; có chính phụ, trọng tâm, có kết nối	Hình mảng, họa tiết cách điệu, khái quát hóa đẹp; rõ chính phụ, trọng tâm, có kết nối	Hình mảng, họa tiết cách điệu, khái quát hóa đẹp; rõ chính phụ, trọng tâm, kết nối chặt chẽ; phong phú, đa dạng và vui mắt	40%
	Màu sắc, sắc độ	Dùng màu sống, xỉn, quá nghèo nàn. Sắc độ đều hoặc quá tranh chấp, lốm đốm, vụn-nát hình mảng; quá đậm hoặc quá nhạt nhạt	Dùng màu còn sống, xỉn, nghèo. Sắc độ hơi đều hoặc hơi tranh chấp; hơi đậm hoặc hơi nhạt	Dùng màu, phối màu tương đối đẹp. Đủ ba sắc độ cơ bản và tương đối phong phú, độ chuyên phù hợp	Dùng màu đẹp, hòa sắc khá, có gam màu chủ đạo. Sắc độ khá phong phú, độ chuyên hài hòa, linh hoạt	Dùng màu đẹp, hòa sắc tốt, có gam màu chủ đạo, gây được cảm xúc và phong cách riêng. Sắc độ rất phong phú, độ chuyên hài hòa, sinh động	40%
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm học phần điêu khắc (đối với các tác phẩm tượng và phù điêu): Mã đánh giá: GR.006.NC

Tiêu chí	1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
----------	---------	----------------	---------	---------	-------------	---------------

Thể hiện	Cốt	Kích thước không đúng yêu cầu nhiều; thiếu bướm; liên kết yếu, xộc xệch; tỉ lệ ít tương ứng với mẫu	Kích thước không đúng yêu cầu ít; thiếu bướm; liên kết hơi yếu; tỉ lệ chưa hoàn toàn tương ứng với mẫu	Kích thước đúng yêu cầu; đủ bướm; liên kết phù hợp; tỉ lệ tương ứng với mẫu	Kích thước đúng yêu cầu; đủ bướm; liên kết chắc chắn; tỉ lệ tương ứng với mẫu tốt	Kích thước đúng yêu cầu; đủ bướm; liên kết chắc chắn; tỉ lệ tương ứng với mẫu tốt; tinh tế	30%
	Thể hiện	Chép sai nhiều về tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc trưng so với mẫu. Hình quá lớn hoặc quá nhỏ, bố cục bị đổ về một bên	Chép hơi sai về tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc trưng so với mẫu. Hình hơi lớn hoặc hơi nhỏ, bố cục hơi đổ về một bên	Chép đúng tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc trưng so với mẫu. Hình vừa, bố cục cân đối	Chép đúng tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, đặc trưng so với mẫu. Hình vừa, bố cục cân đối. Thể hiện sắc sảo	Chép đúng tỉ lệ, cấu trúc, giải phẫu, trung so với mẫu. Hình vừa, bố cục cân đối. Thể hiện sắc sảo, tinh tế và gợi được thần thái hoặc cảm xúc	70%
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

● Phiếu đánh giá điểm bài tập điêu khắc (cho tác phẩm sáng tạo tượng hoặc phù điêu): Mã đánh giá: GR.006.ST

Tiêu chí		1 – Rót	2 – Trung bình	3 – Khá	4 –Giỏi	5 –Xuất sắc	Trọng số điểm
Thể hiện	Cốt	Kích thước không đúng yêu cầu nhiều; kết cấu quá sơ sài và liên kết yếu, xộc xệch; mức độ tương ứng với phác thảo đã chọn quá ít	Kích thước không đúng yêu cầu ít; kết cấu còn đơn giản và liên kết hơi yếu, hơi xộc xệch; mức độ tương ứng với phác thảo không nhiều	Kích thước đúng yêu cầu; kết cấu và liên kết phù hợp; tương ứng với phác thảo đã chọn	Kích thước đúng yêu cầu; kết cấu và liên kết chắc chắn; mức độ tương ứng với phác thảo đã chọn tốt	Kích thước đúng yêu cầu; kết cấu và liên kết chắc chắn; mức độ tương ứng với phác thảo đã chọn tốt; tinh tế và triển khai được những vị trí khó, phức tạp	25%

	Thể hiện Bản vẽ thiết kế A3	Thiếu thành phần và bố cục, trình bày không thẩm mỹ, không khoa học, sơ sài, không nghiêm túc; không đúng yêu cầu về chất liệu, kích thước; ít tương ứng với bố cục thực tế	Bố cục các thành phần và trình bày thiếu thẩm mỹ, đơn giản, chưa nghiêm túc; tương đối đúng yêu cầu về chất liệu, kích thước; có phần chưa tương ứng với bố cục thực tế	Bố cục các thành phần và trình bày có thẩm mỹ, nghiêm túc; đúng yêu cầu về chất liệu, kích thước; tương ứng với bố cục thực tế	Bố cục các thành phần và trình bày đẹp, tinh tế, khoa học; đúng yêu cầu về chất liệu, kích thước và sắc sảo; tương ứng với bố cục thực tế	Bố cục các thành phần và trình bày đẹp, tinh tế, độc đáo và hấp dẫn; đúng yêu cầu về chất liệu, kích thước, sắc sảo và gọi được chất liệu khác; tương ứng với bố cục thực tế	25%
	Ý tưởng	Không có ý tưởng hoặc ý tưởng không phù hợp với hình thức	Ý tưởng không rõ ràng hoặc ít phù hợp với hình thức	Có ý tưởng, phù hợp với hình thức	Ý tưởng khá, phù hợp với hình thức, có tính sáng tạo	Ý tưởng tốt, có tính sáng tạo cao, độc đáo, rất phù hợp với hình thức	10%
	Tạo hình điêu khắc	Tính trang trí không có và các góc nhìn đều không có tính thẩm mỹ; khối mảng sơ sài hoặc quá rối. Thể hiện sơ sài, không nghiêm túc, không hoàn chỉnh	Tính trang trí ít và các góc nhìn ít hoặc thiếu tính thẩm mỹ; khối mảng còn sơ sài hoặc hơi rối. Thể hiện thiếu sắc sảo, thiếu nghiêm túc	Tính trang trí có và các góc nhìn thuận mắt; khối mảng đa dạng về hình cũng như chiều hướng. Thể hiện nghiêm túc	Tính trang trí và các góc nhìn đẹp; khối mảng đa dạng, phong phú về hình cũng như chiều hướng. Thể hiện sắc sảo	Tính trang trí cao và các góc nhìn đẹp, độc đáo; khối mảng đa dạng, phong phú, sinh động về hình cũng như chiều hướng. Thể hiện sắc sảo, tinh tế	40%
Đánh giá		0-3	4-5	6-7	8-9	10	

❖ Trọng số đánh giá thành phần

Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc xác định trọng số điểm thành phần đánh giá quá trình, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ cho các học phần lý thuyết, đồ án, thực tập và bảo vệ đồ án tốt nghiệp như sau:

➤ Học phần lý thuyết 1 tín chỉ:

- | | |
|--|-----|
| - Bài tập (tham dự, dự án, hội thảo ...): | 20% |
| - Thi cuối kỳ (đồ án, hội thảo, kiểm tra ...): | 80% |

➤ Học phần lý thuyết hơn 1 tín chỉ:

- | | |
|--|-----|
| - Bài tập (tham dự, dự án, hội thảo ...): | 20% |
| - Kiểm tra giữa kỳ (đồ án, hội thảo, kiểm tra...): | 20% |
| - Thi cuối kỳ (hội thảo, kiểm tra ...): | 60% |

➤ Học phần PBL:

- | | |
|--|-----|
| - Quá trình (chuyên cần, làm việc nhóm ...): | 25% |
| - Kiểm tra giữa kỳ: | 25% |
| - Thi cuối kỳ (bảo vệ): | 50% |

➤ Học phần thực hành:

- | | |
|--|-----|
| - Quá trình (chuyên cần, làm việc nhóm ...) | 30% |
| - Kiểm tra cuối kỳ (bài tập, hội thảo, kiểm tra ...) | 70% |

➤ Học phần thực tập:

- | | |
|--|-----|
| - Quá trình (chuyên cần, làm việc nhóm ...): | 30% |
| - Bảo vệ (thuyết trình): | 70% |

➤ Học phần đồ án tốt nghiệp:

- Đánh giá đồ án tốt nghiệp được sử dụng để đánh giá học sinh năm cuối để giúp họ tổng hợp việc học của họ trong suốt toàn bộ chương trình giảng dạy, thể hiện sự phát triển tổng thể về khả năng và thành tích học tập; chuyển đổi tư duy sang giai đoạn tiếp theo (làm việc hoặc học cao hơn).

- Giáo viên hướng dẫn thường thảo luận về dự án tốt nghiệp với sinh viên để xác định hình thức, quy trình làm việc và đánh giá sinh viên. Sinh viên thường hoàn thành công việc của mình để đáp ứng các mục tiêu đánh giá bao gồm một báo cáo bằng văn bản của mô hình thực tế hoặc mô hình mô phỏng, thuyết trình và thi vấn đáp về nội dung thực hiện và

được đánh giá theo quy định cụ thể tại Quyết định số 564/QĐ-ĐHBK của trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng trên hệ thống tín chỉ.

Điểm phân loại

Tính toán phân loại học phần có tiêu chí rõ ràng. Tiêu chí đánh giá và xếp hạng tổng thể được thể hiện như sau:

- Các điểm thành phần (giữa kỳ, bài tập, tiểu luận...) và kỳ thi cuối khóa được tính theo thang điểm 10 điểm.

- Kết quả học phần là tổng kết của tất cả các cấp thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn thành số thập phân, và sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
Đạt	Từ 9,5 đến 10,0	4,0	A+
	Từ 8,5 đến dưới 9,5	4,0	A
	Từ 8,0 đến dưới 8,5	3,5	B+
	Từ 7,0 đến dưới 8,0	3,0	B
	Từ 6,5 đến dưới 7,0	2,5	C+
	Từ 5,5 đến dưới 6,5	2,0	C
	Từ 5,0 đến dưới 5,5	1,5	D+
	Từ 4,0 đến dưới 5,0	1,0	D
Không đạt	< 4,0	0	F

B. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Giải tích 1	Kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, về giới hạn, sự liên tục, phép tính vi phân, phép tính tích phân và bài toán cực trị của hàm số một biến và hàm số nhiều biến. Học phần cũng đề cập tới một số ứng dụng của phép tính vi tích phân và ứng dụng của một số phần mềm hỗ trợ tính toán và đồ họa
2	Vật lý công trình xây dựng 1	Đây là môn học cơ sở kỹ thuật của ngành kiến trúc, được tổ chức đào tạo ở kỳ thứ 4. Học phần là một phần của liên môn trong dự án Thiết kế nhà cao tầng (PBL 2), cung cấp những kiến thức cơ bản về khí hậu, tác động của khí hậu lên công trình kiến trúc, tác động của vi khí hậu lên con người. Môn học cũng đồng thời cung cấp các kiến thức về đảm bảo tiện nghi cho con người trong công trình thông qua các biện pháp cơ bản: cách nhiệt (chống nóng, chống lạnh, che nắng); tổ chức thông gió tự nhiên trong công trình... Đây là những nền tảng quan trọng để sinh viên nghiên cứu sâu hơn về kiến trúc sinh khí hậu, kiến trúc thân

		thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng.
3	Vật lý công trình xây dựng 2	Vật lý công trình xây dựng 2 có nội dung chính là Quang học kiến trúc là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về ánh sáng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo trong công trình kiến trúc nhằm đảm bảo tiện nghi và sức khỏe cho người sử dụng, đồng thời đảm bảo hiệu quả trong sử dụng năng lượng chiếu sáng và bảo vệ môi trường. Học phần này giới thiệu nhiều nội dung cập nhật theo các yêu cầu của tiêu chuẩn chiếu sáng hiện hành ở Việt Nam cũng như của Ủy ban Quốc tế về Chiếu sáng CIE (Commission Internationale de l'Éclairage) và hiệp hội kỹ sư chiếu sáng Bắc Mỹ IESNA. Các khái niệm, định nghĩa, phương pháp giới thiệu ở đây là những nội dung được cộng đồng khoa học quốc tế về chiếu sáng thừa nhận và sử dụng rộng rãi.
4	Vật lý công trình xây dựng 3	Vật lý công trình xây dựng 3 với nội dung chính là Âm học kiến trúc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về âm thanh, sự vận động của sóng âm trong công trình, các kiến thức cơ bản nhằm đạt hiệu quả âm thanh tối ưu trong thính phòng và đảm bảo tiện nghi về tiếng ồn cho người sử dụng trong công trình.
5	Kiến trúc nhập môn	Học phần Kiến trúc nhập môn được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ nhất. Học phần này cung cấp cho sinh viên tổng quan về nghề nghiệp và cấu trúc chương trình đào tạo ngành Kiến trúc; giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng cá nhân, kỹ năng giao tiếp; giúp sinh viên làm quen các trải nghiệm tư duy thiết kế dự án kỹ thuật, các phương pháp học tập để chuẩn bị cho việc học trong các học kỳ sau.
6	Cơ sở kiến trúc 1	Là môn học để sinh viên bước đầu tiếp cận với nghề nghiệp. Trang bị kiến thức cơ bản về thiết lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật kiến trúc và những quy định chung về hồ sơ thiết kế, giúp cho sinh viên có được những khả năng về diễn đạt ý để thiết kế thông qua một số phương pháp thể hiện kiến trúc bằng bút chì, bút lông, bút kim, bút sắt. Các bài tập thực hành: đường nét và chữ số, tô bóng mực nho, diễn họa kiến trúc
7	Hình họa 1	Hình học họa hình là một môn học nghiên cứu cách biểu diễn các không gian bằng những yếu tố hình học của một không gian có chiều thấp hơn, phổ biến nhất là mặt phẳng, rồi dùng các hình biểu diễn ấy để nghiên cứu các không gian ban đầu. Hình học họa hình nhờ bảo đảm được tính trực quan và chính xác nên đã được dùng nhiều trong thực tế để xây dựng các bản vẽ kỹ thuật và nó là một trong những môn học cơ sở của chương trình đào tạo kỹ sư và kiến trúc sư. - Chương trình Hình họa cho các ngành kỹ thuật gồm 2 tín chỉ. Môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các phương pháp biểu diễn các đối tượng cơ bản của không gian lên mặt phẳng

		<p>như điểm, đường thẳng, mặt phẳng.và giải quyết các bài toán giao và lượng của các yếu tố này. Tiếp theo sẽ biểu diễn các yếu tố đường cong, các mặt đa diện, mặt cong và giải quyết các bài toán giao của các đối tượng 3 chiều trên đồ thức. Môn học tạo cơ sở cho các kiến trúc sư tương lai rèn luyện khả năng tư duy không gian, một trong những điều kiện để sáng tạo kỹ thuật đồng thời giải quyết các vấn đề chuyên môn thực tế để áp dụng vào việc lập và đọc các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc xây dựng.</p>
8	Vẽ mỹ thuật 1	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm chung về mỹ thuật, các chất liệu cơ bản là bút sắt, mực nho. Trên cơ sở các chất liệu hội họa cơ bản đó, cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cơ bản trong vẽ bút sắt và mực nho; xử lý chất liệu và bố cục tạo hình trong không gian qua các bài tập, bài thực hành vẽ nghiên cứu với sắc độ đen-trắng. Qua đó, sinh viên còn có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng để phác thảo ý đồ sáng tác kiến trúc, diễn họa kiến trúc, trang trí kiến trúc, nhận thức thẩm mỹ trong thiết kế kiến trúc và sáng tác mỹ thuật.</p>
9	Vẽ kỹ thuật & Autocad	<p>Chương trình Vẽ kỹ thuật và autoCAD cho kiến trúc gồm 3 ĐVHT. Môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các phương pháp biểu diễn các đối tượng của không gian lên mặt phẳng. Môn học tạo cơ sở cho các kiến trúc sư tương lai rèn luyện khả năng tư duy không gian, một trong những điều kiện để sáng tạo kỹ thuật đồng thời giải quyết các vấn đề chuyên môn thực tế để áp dụng vào việc lập và đọc các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc và xây dựng. Trang bị các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế để thành lập các bản vẽ kỹ thuật, là ngôn ngữ của kiến trúc sư. Môn học tạo cơ sở cho các kiến trúc sư tương lai rèn luyện tác phong tỉ mỉ, chính xác. Riêng phần thực hành AutoCAD (15t) học trực tiếp phòng máy. Mỗi lớp không quá 35 sinh viên, nhằm mục đích trang bị cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững vàng về giao tiếp đồ họa hiện đại giúp cho họ hoạt động có hiệu quả trong môi trường thiết kế bằng máy tính điện tử. Trang bị phần ứng dụng đồ họa AutoCAD là phần mềm phổ biến và có nhiều ưu điểm trong việc thiết lập các bản vẽ kỹ thuật nói chung và đặc biệt cho ngành kiến trúc. Đồng thời giải quyết các vấn đề chuyên môn thực tế để áp dụng vào việc lập các bản vẽ kỹ thuật và công nghệ.</p>
10	Hình họa 2	<p>Hình học họa hình là một môn học nghiên cứu cách biểu diễn các không gian bằng những yếu tố hình học của một không gian có chiều thấp hơn, phổ biến nhất là mặt phẳng. Hình học họa hình nhờ bảo đảm được tính trực quan và chính xác nên đã được dùng nhiều trong thực tế để xây dựng các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc và nó là một trong những môn học cơ sở của chương trình</p>

		<p>đào tạo kiến trúc sư.</p> <p>Chương trình Hình họa 2 cho các ngành kiến trúc sư công trình gồm 2 tín chỉ của học kỳ 2. Môn học nhằm mục đích trang bị thêm cho sinh viên các phương pháp biểu diễn các đối tượng của không gian lên mặt phẳng mà các bản vẽ kiến trúc công trình thường sử dụng.</p> <p>Môn học tạo cơ sở cho các kiến trúc sư tương lai rèn luyện khả năng tư duy không gian, một trong những điều kiện để sáng tạo kỹ thuật đồng thời giải quyết các vấn đề chuyên môn thực tế để áp dụng vào việc lập và đọc các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc</p>
11	Trắc địa	<p>Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học kiến thức đại cương về bản đồ và trắc địa công trình phục vụ cho quy hoạch, thiết kế, thi công và quản lý các công trình kiến trúc. Học phần gồm khối kiến thức chung về trắc địa, khối kiến thức về bản đồ và khối kiến thức về trắc địa công trình.</p>
12	Vẽ mỹ thuật 2	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất liệu là màu bột, màu nước và phương pháp vẽ. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết màu sắc và hướng dẫn rèn luyện kỹ năng trang trí bố cục trong không gian. Qua đó, sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức để phác thảo ý đồ sáng tác kiến trúc, diễn họa kiến trúc, trang trí kiến trúc, nhận thức thẩm mỹ trong thiết kế kiến trúc và sáng tác mỹ thuật.</p> <p>Học phần này được chia thành 3 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các buổi đầu tiên: sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần: mục tiêu học phần vẽ mỹ thuật 2; vị trí và vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá...Hướng dẫn hình thành các nhóm dự án. Nhắc lại kiến thức về các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng giảng bài kết hợp với trình chiếu slide. - Các buổi tiếp theo: giảng viên hướng dẫn và sinh viên thực hành phác thảo bố cục trang trí cơ bản (hình vuông), qua các giai đoạn: phác thảo nét, phác thảo đen trắng và phác thảo màu. Trong quá trình phác thảo, giảng viên kết hợp sửa bài và đánh giá quá trình, kết quả theo từng giai đoạn tương ứng. - Các buổi còn lại: sinh viên được phân nhóm, thảo luận. Mỗi nhóm phối hợp các phác thảo cá nhân để đề xuất phương án bố cục trang trí chung dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên và trợ giảng. Thể hiện và báo cáo bố cục trang trí của nhóm trên giấy A2.
13	Đồ họa kiến trúc	<p>Đồ họa kiến trúc là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về các phần mềm chuyên ngành Kiến trúc nhằm phục vụ cho việc thực hiện đồ án trong quá trình học tại trường và phục vụ cho công việc lâu dài.</p> <p>Sinh viên được giới thiệu, huấn luyện kỹ năng vẽ và diễn họa</p>

		<p>trên máy tính thông qua hai phần mềm cơ bản của ngành Kiến trúc gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Autodesk Revit 2019 - Photoshop CC.
14	Cơ lý thuyết	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức về Tĩnh học, Động học và Động lực học để giải quyết các bài toán cơ học trong thực tế.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cân bằng và chuyển động của vật rắn dưới tác dụng của ngoại lực và tác động tương hỗ giữa các vật với nhau, các khái niệm cơ bản của kiến thức về cân bằng và chuyển động của vật thể ở ba phần của cơ học : Tĩnh học, động học, động lực học. Đặc biệt yêu cầu sinh viên phải nắm vững được các khái niệm và phương trình về cân bằng và chuyển động, liên kết, các nguyên lý cơ học.</p> <p>Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau : Các khái niệm cơ bản về hệ tiên đề cơ học, lý thuyết về hệ lực, bài toán cân bằng - Các chuyển động cơ bản của vật rắn - Các định luật Niuton, các định lý tổng quát của động lực học.</p>
15	Cơ học công trình	<p>Học phần này trải dài trong 06 chương. Chương 1 giới thiệu tổng quan về kết cấu chịu lực trong công trình xây dựng, giúp sinh viên định hướng được nhiệm vụ, vai trò, ý nghĩa của học phần.</p> <p>Chương 2 trình bày cách phân tích cấu tạo hình học của hệ phẳng. Chương 3 hướng dẫn cách xác định các đặc trưng hình học của mặt cắt ngang và đặc trưng cơ của vật liệu. Chương 4 giới thiệu các khái niệm cơ bản về nội lực, ứng suất, cách xác định và biểu diễn chúng. Chương 5 trình bày các hình thức chịu lực của cấu kiện, giúp người học thiết kế hoặc đánh giá khả năng chịu lực của một số hệ kết cấu cơ bản. Chương 6 hướng dẫn cách xác định chuyển vị của hệ thanh phẳng, đàn hồi.</p>
16	Điều khắc	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điêu khắc, quan hệ của điêu khắc với kiến trúc và ứng dụng của nó trong đời sống. Trên cơ sở đó, cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng bố cục hình khối trong nghệ thuật tạo hình thông qua các bài tập, bài thực hành: chép tượng tròn, phù điêu và bài sáng tác. Đây là nền tảng quan trọng để sinh viên nghiên cứu sâu về điêu khắc, sáng tác điêu khắc và vận dụng sáng tác trang trí cho công trình kiến trúc, trong nội thất cũng như ngoài trời.</p>
17	Kết cấu công trình (Bê tông + thép)	<p>Học phần gồm 4 chương. Chương 1 giúp sinh viên nắm được các tải trọng và tác động tác dụng lên công trình xây dựng. Chương 2 nêu rõ về nội lực trong cấu kiện xây dựng. Chương 3 giúp sinh viên nắm rõ về kết cấu bê tông cốt thép bao gồm các khái niệm và tính chất cơ lý của vật liệu bê tông, bê tông cốt thép, cách tính toán các cấu kiện bê tông cốt thép chịu uốn và chịu nén. Chương 4 trình bày một số khái niệm và cách tính toán kết cấu thép trong</p>

		công trình xây dựng.
18	Kỹ thuật đô thị	Học phần được tổ chức đào tạo ở kỳ thứ 8, giới thiệu các kiến thức cơ bản về công tác chuẩn bị kỹ thuật cho khu đất xây dựng, và lĩnh vực giao thông đô thị.
19	Lý thuyết kiến trúc	Lý thuyết sáng tác kiến trúc là học phần chuyên ngành cơ bản đầu tiên giúp cho sinh viên tiếp cận được một hệ thống các khái niệm, các nguyên tắc tổ hợp cơ bản nhất về kiến trúc, để từ đó sinh viên có thể nắm bắt được và vận dụng được vào công việc thiết kế cũng như thực hành. Nội dung của môn học sẽ truyền đạt cho sinh viên khối lượng kiến thức về: kiến trúc và bản chất của sáng tạo kiến trúc, các khái niệm về ngôn ngữ kiến trúc, các thành phần cơ bản của kiến trúc, lý thuyết tổ hợp kiến trúc v.v. để từ đó làm cơ sở cho sinh viên có thể thiết kế hay đánh giá những tác phẩm kiến trúc cụ thể.
20	Kiến trúc nhà ở	Học phần "Kiến trúc nhà ở" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 3. Môn học “Kiến trúc nhà ở” với các nội dung cơ bản: giới thiệu tổng quan về đặc trưng kiến trúc nhà ở và các thể loại kiến trúc nhà ở, phân tích về các thành phần chức năng cơ bản của một công trình ở cũng như các cơ sở và nguyên tắc cơ bản trong thiết kế, tổ chức không gian công trình ở. Từ đó ứng dụng môn học này vào thiết kế, xây dựng các thể loại công trình nhà ở trong học phần đồ án (thiết kế chung cư, thiết kế khách sạn) và thực tiễn sau khi ra trường.
21	Cấu tạo kiến trúc 1	Học phần "Dự án Cấu tạo kiến trúc1" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 4 Học phần là một dự án liên môn của 03 học phần "Đồ án 2", "Đồ án 3", "Đồ án 4", Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về những nguyên tắc và lý luận chung nhất để thiết kế vỏ bọc công trình bao gồm: Cấu tạo nền - móng, khung chịu lực, tường và vách ngăn, nền nhà và sàn gác, mái nhà, cầu thang, cửa đi và cửa sổ, cấu tạo đặc biệt khác. Nhằm thực hiện một dự án mà sinh viên từng bước đề xuất các giải pháp cấu tạo phù hợp cho công trình kiến trúc có yêu cầu khác nhau về sử dụng, về quy mô cũng như các yêu cầu đặc thù khác nhau như điều kiện địa hình, khí hậu... Học phần này được chia làm 3 giai đoạn: - 15 tiết đầu tiên (3 – 5 buổi) được tổ chức tại các phòng học PBL với sự hướng dẫn của các giảng viên phụ trách để tìm hiểu về các đồ án thực tế, cách thức tạo ra sản phẩm xây dựng dựa trên bản vẽ, trách nhiệm và vai trò của các cá nhân thiết kế, các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, xây dựng, bảo vệ được quy trình xây dựng thi công được giảng viên phụ trách thông qua. - 20 tiết tiếp theo (3 – 5 buổi): được tổ chức tại (các) xưởng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ hỗ trợ tại xưởng, sinh viên thực hiện việc thiết kế các bản vẽ chi tiết đến tổng thể các

		<p>bộ phận công trình. So sánh các bản thiết kế tại xưởng với các đồ án đã từng thực hiện tương tự trong thực tế</p> <p>- 20 tiết cuối (3 – 5 buổi): được tổ chức tại các phòng học PBL, sinh viên viết báo cáo Dự án, chuẩn bị sản phẩm, thiết kế hình thức sản phẩm và báo cáo cuối bằng slide với sự hướng dẫn của các giảng viên phụ trách để hoàn thành dự án.</p>
22	Chuyên đề tổ chức không gian công cộng	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Kiến trúc và làm đồ án tốt nghiệp Kiến trúc công trình. Đây là môn học chuyên đề của ngành kiến trúc và quy hoạch đô thị, được tổ chức đào tạo ở kỳ học thứ 4. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức các không gian công cộng trong đô thị như công viên, quảng trường, khu vực cảnh quan ven sông...Môn học cũng đồng thời cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm về không gian, cách thức tổ chức các không gian công cộng đồng thời cập nhật các xu thế quy hoạch đô thị mới trong nước và trên thế giới. Môn học giúp cho sinh viên có được tư duy tốt về không gian, về mối quan hệ giữa con người và đô thị, giúp cho quá trình quy hoạch và phát triển đô thị một cách bền vững hơn.</p>
23	Quy hoạch địa điểm	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Đô thị học và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Quy hoạch và đô thị. Chuyên đề này khảo sát lý thuyết và ứng dụng công tác quy hoạch địa điểm đô thị. Quy hoạch địa điểm bao gồm các công tác liên quan đến sắp đặt và bố trí các công trình kiến trúc trong một không gian và đồng thời cũng là cách tổ chức không gian giữa các công trình. Quy hoạch địa điểm liên hệ mật thiết với kiến trúc, quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị.</p>
24	Cấu tạo kiến trúc 2 (bao gồm vẽ ghi)	<p>Học phần "Dự án Cấu tạo kiến trúc2" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 5. Học phần là một dự án liên môn của 02 học phần "Kiến trúc Nhà công cộng" và "Đồ án 8". Học phần nêu lên các khuynh hướng sử dụng các cấu trúc mới bao gồm các kiểu cấu tạo đặc biệt, phức tạp mang tính công nghệ cao. Bên cạnh đó cũng nghiên cứu các vật liệu truyền thống nhưng được sản xuất bằng công nghệ mới cùng với cách thức thi công khác lạ, Ngoài ra nội dung của học phần còn trình bày những nguyên tắc cơ bản để thiết kế và ứng dụng các cấu tạo nêu trên vào các công trình trong thực tế.</p>
25	Kiến trúc nhà công cộng	<p>Học phần “Kiến trúc nhà công cộng” được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 5. Học phần này cung cấp cho sinh viên các nguyên lý cùng các cơ sở lý luận cơ bản về thiết kế công trình công cộng như: nhận biết chung về thể loại công trình công cộng. Các nguyên lý chung về bố cục tổng thể, tổ hợp hình khối, tổ chức dây chuyền công năng cho các công trình đơn và đa chức năng;</p>

		phân tích được các cơ sở khoa học về điều kiện khí hậu tự nhiên, về khoa học tổ chức, về khoa học kỹ thuật, về công nghệ xây dựng vật liệu, về điều kiện kinh tế xã hội... tác động đến việc thiết kế công trình công cộng; các phương pháp tính toán quy mô, sức chứa, sự phân bố công trình công cộng trong đô thị.
26	Cấu trúc kiến trúc	Học phần "Cấu trúc kiến trúc" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 5. Học phần này giới thiệu các hệ thống cấu trúc kiến trúc như thành phần quan trọng của công trình. Các hệ thống cấu trúc kiến trúc không những có tác động quyết định đến khả năng chịu lực, sự bền vững của công trình kiến trúc mà còn ảnh hưởng đến thẩm mỹ, bố cục không gian, nội thất và việc bố trí các hệ thống kỹ thuật bên trong công trình. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về các hệ cấu trúc dùng trong kiến trúc. Người học nghiên cứu các nguyên lý thiết kế cơ bản của các hệ cấu trúc kiến trúc và các ví dụ về các hệ thống cấu trúc chủ yếu thông qua các công trình kiến trúc nổi tiếng. Học phần này làm cơ sở để người học chọn lựa hệ cấu trúc phù hợp với yêu cầu công năng và thẩm mỹ của đồ án tốt nghiệp và các công trình thực tế sau này.
27	Chuyên đề kiến trúc cao tầng	Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Đô thị học và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Quy hoạch và đô thị. Học phần "Dự án Kiến trúc cao tầng" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 5. Học phần là một dự án liên môn của 02 học phần "Đồ án Khách sạn", "Đồ án Tổng hợp" Chuyên đề nhà cao tầng giúp cho sinh viên bổ sung và củng cố thêm các kiến thức đã học thông qua các chuyên đề có nội dung mở rộng hoặc sâu hơn về kiến thức chuyên môn về các vấn đề thiết kế trong thực tế và cập nhật các kết quả nghiên cứu và ứng dụng mới nhất của chuyên ngành.
28	Chuyên đề nội thất	Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Kiến trúc và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Kiến trúc công trình. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: ngôn ngữ thiết kế nội thất, các phong cách kiến trúc nội thất, các bộ phận cấu thành thiết kế nội thất, các hệ thống kỹ thuật trong môi trường nội thất, bố cục không gian nội thất .v.v. từ đó sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức đã học để tự mình thiết kế hoàn chỉnh các không gian kiến trúc nội thất theo những chủ đề khác nhau. Phần lý thuyết: Sinh viên đến lớp nghe giảng toàn bộ chương trình môn học và sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập. Sau đó, sinh viên tự nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi thêm ở các kênh thông tin khác nhằm bổ sung và nâng cao kiến thức.
29	Lịch sử kiến trúc Phương Tây	- Vị trí vai trò của học phần trong CTĐT chuyên ngành: Học phần Lịch sử kiến trúc Phương Tây giới thiệu cho sinh

		<p>viên những kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của thế giới phương Tây từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XX. Từ đó cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận làm nền tảng cho việc thiết kế kiến trúc. Đây chính là những kiến thức cơ sở lý luận quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế - Đồ án môn học của ngành Kiến trúc công trình và trong quá trình làm việc thực tế sau khi ra trường.</p> <p>- Các chủ đề trọng tâm của học phần: Lịch sử hình thành – phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của thế giới từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XX.</p> <p>- Mức độ cập nhật của học phần: Môn Lịch sử kiến trúc Phương Tây cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử hình thành – phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của phương Tây từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XX. Đồng thời, giảng viên hướng dẫn phương pháp tư duy để sinh viên có thể tự học, tự cập nhật những kiến thức mới, các trào lưu phong cách kiến trúc trong thực tế.</p> <p>- Mức độ liên quan đến các học phần khác của chuyên ngành đào tạo: Môn học là học phần học trước và có tác dụng hỗ trợ cho một số môn học chuyên ngành Kiến trúc công trình như: Thực hành thiết kế Kiến trúc, Đồ án Kiến trúc... trong chương trình đào tạo tại trường cũng như hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.</p>
30	Chuyên đề Quản lý nhà nước trong Kiến trúc quy hoạch	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Đô thị học và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Quy hoạch và đô thị. Học phần được tổ chức đào tạo ở kỳ thứ 8, cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quy hoạch đô thị và hoạt động kiến trúc. Học phần giúp sinh viên làm quen với các vấn đề pháp lý, thủ tục, quy trình và vai trò của các bên liên quan trong thiết kế kiến trúc và quy hoạch. Đây là nền tảng quan trọng để sinh viên hình dung được công việc của mình trong 1 chuỗi các mắt xích công việc mà mình sẽ tham gia.</p>
31	Chuyên đề trang trí	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Kiến trúc và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Kiến trúc công trình. Chuyên đề này giới thiệu một số thể loại trang trí. Trong đó tập trung vào các chuyên đề trang trí phổ biến hiện nay như: Tranh kính, tranh cổ động, tranh gốm, Poster. Mỗi chuyên đề đều có phần giới thiệu chung và phương pháp thể hiện. Thông qua kiến thức, kỹ năng về mỹ thuật đã được tích lũy, hướng dẫn sinh viên sáng tác tranh trang trí đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ và phù hợp với thực tiễn.</p> <p>Học phần này được chia làm 3 giai đoạn: - 9 tiết đầu tiên (3 buổi) sinh viên được giới thiệu về môn học,</p>

		<p>lịch trình học và các kiến thức của môn học</p> <p>45 tiết tiếp theo (15 buổi): được tổ chức tại họa thất. Giảng viên giảng đề. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và trợ giảng (nếu có), sinh viên phát triển ý tưởng về một hình thức trang trí và ứng dụng vào thực tiễn</p> <p>- 6 tiết cuối (2 buổi): Sinh viên hoàn thiện bản vẽ tại nhà</p>
32	Kiến trúc công nghiệp	<p>Đây là môn học cơ sở kỹ thuật của ngành kiến trúc nhằm cung cấp cho sinh viên các nội dung liên quan đến việc giới thiệu nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp, phục vụ cho việc thiết kế kỹ thuật công trình công nghiệp sau này. Các nội dung học tập gồm có: quy hoạch khu công nghiệp, thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp, thiết kế cấu tạo Kiến trúc nhà công nghiệp</p>
33	Ngôn ngữ kiểu mẫu trong thiết kế kiến trúc	<p>Chuyên đề này khảo sát lý thuyết và ứng dụng của phương pháp ngôn ngữ kiểu mẫu trong thiết kế kiến trúc. Chương trình gồm có hai phần, ở phần thứ nhất người học sẽ được giới thiệu ngôn ngữ kiểu mẫu trong thiết kế kiến trúc và thực hành xây dựng ngôn ngữ kiểu mẫu của mình. Phần hai của chương trình sẽ giới thiệu với người học các thuộc tính cơ bản của ngôn ngữ hình thức. Học phần này được chia làm 3 giai đoạn:</p> <p>- 5 tiết đầu tiên (1 buổi) sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần: mục tiêu môn học Ngôn ngữ kiểu mẫu trong kiến trúc và quy hoạch đô thị; vị trí và vai trò của môn học này trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá... Nhắc lại kiến thức về các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng giảng bài kết hợp với trình chiếu slide.</p> <p>5 tiết thứ hai (1 buổi): Giảng viên hướng dẫn tham quan một địa điểm để hiểu về sự tồn tại và cách xây dựng ngôn ngữ kiểu mẫu.</p> <p>5 tiết tiếp theo (1 buổi): sinh viên được hướng dẫn nghiên cứu các tài liệu về ngôn ngữ kiểu mẫu bao gồm tài liệu online</p> <p>- 30 tiết tiếp theo (10 buổi): Sinh viên tham gia các buổi giảng bài của giảng viên.</p>
34	Lịch sử kiến trúc Phương Đông	<p>- Vị trí vai trò của học phần trong CTĐT chuyên ngành:</p> <p>Học phần Lịch sử kiến trúc Phương Đông giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của thế giới phương Đông bao gồm Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam. Từ đó cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận làm nền tảng cho việc thiết kế kiến trúc. Đây chính là những kiến thức cơ sở lý luận quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế - Đồ án môn học của ngành Kiến trúc công trình và trong quá trình làm việc thực tế sau khi ra trường.</p> <p>- Các chủ đề trọng tâm của học phần:</p> <p>Lịch sử hình thành – phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của phương Đông.</p>

		<p>- Mức độ cập nhật của học phần: Môn Lịch sử kiến trúc Phương Đông cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử hình thành – phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của phương Đông. Đồng thời, giảng viên hướng dẫn phương pháp tư duy để sinh viên có thể tự học, tự cập nhật những kiến thức mới, các trào lưu phong cách kiến trúc trong thực tế.</p> <p>- Mức độ liên quan đến các học phần khác của chuyên ngành đào tạo: Môn học là học phần học trước và có tác dụng hỗ trợ cho một số môn học chuyên ngành Kiến trúc công trình như : Thực hành thiết kế Kiến trúc, Đồ án Kiến trúc... trong chương trình đào tạo tại trường cũng như hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.</p>
35	Chuyên đề Thiết kế đô thị	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Đô thị học và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Quy hoạch và đô thị. Chuyên đề này khảo sát lý thuyết và ứng dụng của phương pháp generative trong thiết kế đô thị. Thông qua các nội dung mang tính gợi mở học viên sẽ tiếp cận được các nội dung căn bản của công tác thiết kế đô thị theo phương pháp generative và bước đầu hình thành các kỹ năng cơ bản dùng trong TKĐT. Người học sẽ được khảo sát các thành phần của quá trình generative và ngôn ngữ kiểu mẫu. Người học sẽ được nghiên cứu các kiểu mẫu cơ bản nhất và tập dượt xây dựng các kiểu mẫu dựa theo đặc thù của công tác thiết kế. Cuối cùng người học cũng sẽ phân tích các thuộc tính cơ bản của ngôn ngữ hình thức.</p>
36	Chuyên đề kiến trúc bền vững	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Kiến trúc và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Kiến trúc công trình. Học phần này là học phần chuyên sâu về vấn đề kiến trúc bền vững sau khi sinh viên đã học xong học phần vật lý công trình xây dựng 1, 2 và 3. Học phần sẽ giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của công việc và vai trò của người KTS trong việc góp phần bảo vệ môi trường và tính bền vững của công trình xây dựng. Học phần sẽ giới thiệu về nguyên nhân, sự xuất hiện của trào lưu kiến trúc bền vững; các công cụ đánh giá công trình xanh tiêu biểu cũng như các công trình xanh tốt tiêu biểu đã được vinh danh. Học phần cũng sẽ giới thiệu một số nghiên cứu chuyên sâu của giảng viên về vấn đề này nhằm mở rộng tầm nhìn của người học.</p>
37	Quy hoạch đô thị	<p>Giúp cho sinh viên Kiến trúc nắm bắt được các vấn đề cơ bản về Quy hoạch đô thị, bao gồm:</p> <p>- Lý thuyết trong quy hoạch (theory in planning): là các lý luận, lý thuyết về đô thị và các ý tưởng về các mô hình đô thị. Những lý luận này nhằm lý giải về ‘đô thị’ với tư cách là đối tượng trực tiếp của công tác quy hoạch. Tóm lại, đây là các lý luận về đô thị</p>

		<p>- Lý thuyết về quy hoạch (theory for planning): là các lý luận về phương pháp quy hoạch, xu hướng hoặc trường phái quy hoạch; tập trung vào các nguyên lý nền tảng và cách thức triển khai của các phương pháp quy hoạch khác nhau, được hình thành và phát triển trong những bối cảnh lịch sử nhất định. Tóm lại, đây là những lý thuyết về các Phương pháp quy hoạch</p> <p>- Lý thuyết cho quy hoạch (theory of planning): là các lý thuyết cho việc thực hành quy hoạch, nó tập trung vào các bước tiếp cận, kỹ năng và cách làm thực tiễn của công tác quy hoạch. Tóm lại, đây là các lý thuyết về thực hành quy hoạch.</p>
38	Lịch sử đô thị	<p>Môn học này nhằm cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của các đô thị trên thế giới. Môn học cũng nhằm cung cấp cách nhìn so sánh về các đô thị khi chúng được đặt trong hoàn cảnh kinh tế xã hội và tư tưởng của thời đại của mình.</p> <p>Để hiểu được các công cụ và các chính sách được dùng trong quy hoạch đô thị tại các nước phát triển, nhất thiết phải hiểu được hoàn cảnh đã tạo ra chúng. Môn Lịch sử đô thị sẽ cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cần thiết như vậy. Phần cuối của chương trình, giảng viên và sinh viên sẽ thảo luận về các xu hướng mới trong quy hoạch đô thị và đô thị học hiện nay.</p>
39	Trang thiết bị công trình Kiến trúc	<p>Đây là môn học cơ sở kỹ thuật của ngành kiến trúc, được tổ chức đào tạo ở kỳ thứ 7. Học phần là một phần của liên môn trong dự án Thiết kế tổng hợp (ĐA8), cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thiết bị trong công trình kiến trúc như hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cung cấp điện, hệ thống tín hiệu trong công trình kiến trúc. Môn học cũng đồng thời cung cấp các kiến thức về đảm bảo tiện nghi cho con người trong công trình thông qua việc thiết kế hệ thống kỹ thuật, bố trí thiết bị hoạt động hiệu quả. Đây là những nền tảng quan trọng để sinh viên có thể hoàn chỉnh công việc thiết kế công trình kiến trúc, và là cơ sở lý thuyết quan trọng trong việc tính toán và thiết kế hệ thống kỹ thuật công trình một cách hiệu quả nhất.</p>
40	Chuyên đề Phân tích định lượng trong kiến trúc và quy hoạch đô thị	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Kiến trúc và (dự kiến) làm đồ án tốt nghiệp Kiến trúc công trình. Học phần "Phân tích định lượng trong kiến trúc và quy hoạch" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 8. Chuyên đề này khảo sát lý thuyết và ứng dụng các phương pháp định lượng trong nghiên cứu và thiết kế kiến trúc cũng như quy hoạch đô thị.</p> <p>- 5 tiết đầu tiên (1 buổi) sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần: mục tiêu môn học phân tích định lượng; vị trí và vai trò của môn học này trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá v.v... Nhắc lại kiến thức về các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng giảng bài kết hợp với trình chiếu slide.</p> <p>5 tiết thứ hai (1 buổi): Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm quen</p>

		<p>với phần mềm DepthMapX là phần mềm được dùng chủ yếu trong phương pháp phân tích định lượng.</p> <p>5 tiết tiếp theo (1 buổi): sinh viên được hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>- 30 tiết tiếp theo (10 buổi): Sinh viên tham gia các buổi giảng bài của giảng viên.</p>
41	Quy hoạch đô thị 2	<p>Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên theo theo định hướng Đô thị học và (dự kiến) làm đề án tốt nghiệp Quy hoạch và đô thị. Học phần "Quy hoạch đô thị 2" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 8. Đây là học phần nâng cao của học phần Quy hoạch đô thị và nông thôn. Cùng với học phần Quy hoạch địa điểm môn học này cung cấp một kiến thức tổng quát và nâng cao phục vụ cho sinh viên trong công tác quy hoạch sau này. Môn học này khảo sát các kỹ thuật quy hoạch đô thị. Quy hoạch đô thị các công tác liên quan đến sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, quy hoạch khu dân cư v.v... Quy hoạch đô thị 2 cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên giúp sinh viên thực hiện tốt công tác quy hoạch phù hợp với xu thế tiên tiến của thế giới. Học phần này được chia làm 2 giai đoạn:</p> <p>a) 5 tiết đầu tiên (1 buổi) sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần: mục tiêu môn học quy hoạch đô thị 2; vị trí và vai trò của môn học này trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá... Nhắc lại kiến thức về các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng giảng bài kết hợp với trình chiếu slide.</p> <p>5 tiết thứ hai (1 buổi): Giảng viên hướng dẫn khảo sát thực địa để hiểu về các thành phần của quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông và quy hoạch nhà ở.</p> <p>5 tiết tiếp theo (1 buổi): sinh viên được hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>- 30 tiết tiếp theo (10 buổi): Sinh viên tham gia các buổi giảng bài của giảng viên.</p>
42	Kiến trúc cảnh quan	<p>Học phần Kiến trúc cảnh quan được xây dựng trên cơ sở những kiến thức cơ bản về cảnh quan, kiến trúc cảnh quan và sinh thái học, gồm 2 nội dung cơ bản: Phần 1 giúp sinh viên tiếp cận với các khái niệm chung, hiểu biết về lịch sử hình thành cũng như ý nghĩa của chuyên ngành kiến trúc cảnh quan đối với quá trình xây dựng và phát triển đô thị hiện nay. Phần 2 là những kiến thức chuyên ngành, những kỹ năng và nguyên tắc có thể thực hiện một công trình thuộc thể loại kiến trúc cảnh quan. Bên cạnh đó, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những quan điểm, xu hướng mới trong vấn đề tổ chức kiến trúc KTCQ hướng đến phát triển bền vững hiện nay.</p>
43	PBL 1 (Thiết kế biệt thự)	<p>Học phần "Thiết kế Biệt thự" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 3. Học phần là một dự án liên môn của 02 học phần "Cơ sở kiến trúc" và "Lý thuyết kiến trúc" cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết khi áp dụng kiến thức của cá nhân vào thiết kế một công trình nhà ở hộ gia đình thực tế (bao gồm biệt</p>

		<p>thực, nhà liên kế, nhà đơn lập nói chung v.v...) giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng cần thiết cho người kiến trúc sư như phát triển tư duy sáng tạo, tư duy không gian và hình khối, điều tra khảo sát môi trường sẽ thiết kế xây dựng công trình</p> <p>Học phần này được chia làm 3 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 tiết đầu tiên (1 buổi) sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần: mục tiêu đề án thiết kế công trình nhà ở thấp tầng; vị trí và vai trò của đề án này trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá...Hướng dẫn hình thành các nhóm đề án. Nhắc lại kiến thức về các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng giảng bài kết hợp với trình chiếu slide. 5 tiết thứ hai (1 buổi): Giảng viên hướng dẫn khảo sát thực địa với sự hướng dẫn của các giảng viên phụ trách để tìm hiểu về điều kiện địa hình, ảnh hưởng của các yếu tố chiếu sáng, thông gió, giao thông đối ngoại, các loại sử dụng đất lân cận, điều kiện địa hình, địa chất thủy văn của khu vực. 5 tiết tiếp theo (1 buổi): Buổi thứ nhất, sinh viên được hướng nghiên cứu các tài liệu thiết kế công trình nhà ở riêng lẻ tư nhân. Buổi thứ hai sinh viên tham khảo các đề án thiết kế nhà ở riêng lẻ xuất sắc. - 15 tiết tiếp theo (3 – 5 buổi): được tổ chức tại các họa thất. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và trợ giảng (nếu có), sinh viên phát triển hình khối, dần dần xây dựng các bản vẽ kiến trúc của công trình. Xây dựng tư duy hình khối, phát triển các bố cục và phân vị đứng, phân vị ngang trong công trình. - 15 tiết cuối (3 – 5 buổi): được tổ chức tại các phòng họa thất kiến trúc, sinh viên hoàn thiện bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể, mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, các chi tiết. Báo cáo và bảo vệ đề án bằng bản vẽ kiến trúc trên khổ giấy quy định.
43	PBL 2 (thiết kế chung cư)	<p>Nhà ở nhiều tầng là một thể loại công trình ngày càng phổ biến trong các đô thị hiện đại do những đóng góp của nó vào bộ mặt đô thị cũng như hiệu quả sử dụng đất cao. Thông qua các kiến thức về kiến trúc nhà ở đã học cộng thêm những kinh nghiệm tích lũy từ thực tế, sinh viên được yêu cầu thiết kế một công trình có tính thẩm mỹ, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng và hiệu quả sử dụng cao.</p>
44	PBL 3 (Thiết kế trường THPT)	<p>Học phần "Thiết kế công trình công cộng (trường THPT cấp Quận)" được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 5.</p> <p>Trung học phổ thông là một bậc trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam hiện nay, cao hơn tiểu học, trung học cơ sở và thấp hơn cao đẳng hoặc đại học. Trung học phổ thông kéo dài 3 năm (từ lớp 10 đến lớp 12).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh được chỉ định thiết kế một trường trung học mới. Khóa học này do đó cung cấp kiến thức lý thuyết, kiến thức thực tế và kỹ năng về thiết kế của các trường trung học.

		- Với kiến thức lý thuyết nhận được từ học phần "Kiến trúc công trình công cộng" cũng như kinh nghiệm tích lũy, sinh viên được yêu cầu lên ý tưởng và thiết kế một trường trung học đáp ứng tất cả các yêu cầu thẩm mỹ, chức năng và khả năng ứng dụng. Học sinh được tự do lựa chọn số học sinh trong trường được đề xuất.
45	PBL 4 (Thiết kế khách sạn nhiều tầng)	Nhà ở nhiều tầng là một thể loại công trình ngày càng phổ biến trong các đô thị hiện đại do những đóng góp của nó vào bộ mặt đô thị cũng như hiệu quả sử dụng đất cao. Thông qua các kiến thức về kiến trúc nhà ở đã học cộng thêm những kinh nghiệm tích lũy từ thực tế, sinh viên được yêu cầu thiết kế một công trình có tính thẩm mỹ, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng và hiệu quả sử dụng cao.
46	PBL 5 (Thiết kế nhà thi đấu TDTT)	Học phần “Thiết kế công trình nhà thi đấu TDTT” được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ 7. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết khi áp dụng kiến thức của cá nhân vào thiết kế một công trình nhà thi đấu TDTT thực tế giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng cần thiết cho người kiến trúc sư như phát triển tư duy sáng tạo, tư duy không gian và hình khối, điều tra khảo sát môi trường sẽ thiết kế xây dựng công trình. Thông qua các kiến thức về các môn chuyên ngành kiến trúc và đặc biệt là kiến trúc nhà công cộng đã học cộng thêm những kinh nghiệm tích lũy từ thực tế cuộc sống, sinh viên được yêu cầu thiết kế một công trình nhà thi đấu TDTT có tính thẩm mỹ và đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng.
47	PBL 6 (kiến trúc công nghiệp)	- Khi xã hội càng phát triển, điều kiện kinh tế được nâng cao, nhu cầu phục vụ cho cuộc sống ngày càng nhiều. Công trình công nghiệp là một thể loại công trình sản xuất phục vụ và đáp ứng các nhu cầu sử dụng của toàn xã hội. - Mặc dù có nhiều yêu cầu đặc biệt về công nghệ và kỹ thuật nhưng cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công trình công nghiệp là thể loại công trình khá tự do trong tổ hợp chức năng và hình khối mà không bị gò bó bởi các yêu cầu đặc biệt. Thông qua đồ án, sinh viên sẽ có những nghiên cứu chuyên sâu về các giải pháp thiết kế và thẩm mỹ nhằm thể hiện được chức năng và thể loại của công trình.
48	PBL 7: Quy hoạch đô thị	Học phần đồ án quy hoạch rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các yếu tố tạo lập không gian trung tâm đô thị, trang bị cho sinh viên khả năng thiết kế đồ án thể loại quy hoạch, bước đầu tiếp cận với kỹ thuật, quy cách thể hiện đồ án quy hoạch. Học phần này được chia làm 3 giai đoạn: - 5 tiết đầu tiên (1 buổi) sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần: mục tiêu đồ án quy hoạch Đô thị; vị trí và vai trò của đồ án này trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu

		<p>ra, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá...Hướng dẫn hình thành các nhóm đồ án. Nhắc lại kiến thức về các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng giảng bài kết hợp với trình chiếu slide.</p> <p>- 05 tiết thứ hai (1 buổi): Giảng viên hướng dẫn khảo sát thực địa với sự hướng dẫn của các giảng viên phụ trách để tìm hiểu về điều kiện địa hình, ảnh hưởng của các yếu tố địa lý, các loại sử dụng đất lân cận, điều kiện địa hình, địa chất thủy văn của khu vực.</p> <p>- 5 tiết tiếp theo (1 buổi): Buổi thứ nhất, sinh viên được hướng nghiên cứu các tài liệu quy hoạch Đô thị. Buổi thứ hai sinh viên tham khảo các đồ án quy hoạch Đô thị xuất sắc.</p> <p>- 15 tiết tiếp theo (3 – 5 buổi): được tổ chức tại các họa thất. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và trợ giảng (nếu có), sinh viên phát triển và xây dựng các vòng lặp quy hoạch. Xây dựng tư duy hình thể, phát triển và phân tích địa điểm QH.</p> <p>- 15 tiết cuối (3 – 5 buổi): được tổ chức tại các phòng họa thất kiến trúc, sinh viên hoàn thiện bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể, mặt bằng chi tiết. Báo cáo và bảo vệ đồ án bằng bản vẽ quy hoạch trên khổ giấy quy định.</p>
49	PBL 8: Thiết kế kỹ thuật thi công	<p>Đồ án tổng hợp là học phần thực hành có tính khái quát cao nhất trong hệ thống các học phần của chương trình đào tạo, là tiền đề cho đồ án tốt nghiệp. Ở học phần này, sinh viên tự chọn cho mình một thể loại công trình mà mình ưu thích, trên cơ sở hệ thống lý thuyết đã được học và kinh nghiệm qua các học phần đồ án đã được học ở các học kỳ trước, sinh viên xây dựng một nhiệm vụ thiết kế cho riêng mình và triển khai thực hiện nhiệm vụ đó. Đồ án tổng hợp nhằm giúp sinh viên hiểu sâu về các nội dung triển khai 1 dự án từ các bước chuẩn bị cho đến triển khai hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình. Qua đó, sinh viên có khả năng tiếp cận nhanh chóng với thực tế công việc sau khi ra trường.</p>
50	Thực tập tốt nghiệp	<p>Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên hội nhập thực sự vào môi trường doanh nghiệp, vận dụng những kiến thức đã được học và nắm bắt những kiến thức, kỹ năng trong hoạt động thực tiễn, để có thể trở thành kiến trúc sư chuyên nghiệp trong thời kì hiện đại.</p>
51	Đồ án tốt nghiệp	<p>Đồ án tốt nghiệp giúp cho sinh viên tiếp cận một cách có hệ thống phương pháp nghiên cứu và sáng tác một công trình kiến trúc, cảnh quan hay tổ chức các khu chức năng đô thị, nông thôn. Học phần có ý nghĩa rất quan trọng để đánh giá năng lực làm việc, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức cơ bản của sinh viên trước khi tiếp cận với công việc thực tế của một kiến trúc sư trong tương lai.</p>

52	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật như Bộ máy nhà nước, Quy phạm pháp luật và Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật... Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về phòng chống tham nhũng.
53	Triết học Mác – Lê nin	Học phần Triết học Mác – Lênin, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác- Lênin, giúp cho người học những hiểu được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
54	Kinh tế chính trị Mác Lênin	Học phần được kết cấu thành 2 phần chính: - Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. - Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
55	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Đại đoàn kết; về xây dựng một nhà nước kiểu mới ở Việt Nam và về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới... cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn chỉ đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng XHCN Việt Nam của Hồ Chí Minh.
56	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đường lối công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại của Đảng.
57	Chủ nghĩa xã hội Khoa học	Học phần được kết cấu thành 2 phần chính: - Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
58	Tham quan kiến trúc	Tham quan các công trình kiến trúc và quy hoạch, tìm hiểu thiết kế kiến trúc, quy hoạch và các đặc trưng văn hóa ảnh hưởng đến

		công tác thiết kế.
59	Môi trường	Môn học này thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho sinh viên các hiểu biết cơ bản về môi trường, tài nguyên và hệ sinh thái. Các kiến thức về sự ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất, chất thải rắn và một số loại ô nhiễm khác như tiếng ồn, nhiệt, phóng xạ; trên cơ sở đó nắm bắt được những giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường để có những hành động phù hợp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên nắm được các khái niệm, nguyên tắc và giải pháp để đạt tới sự hài hòa về môi trường và phát triển bền vững cũng như một số nội dung chính về luật môi trường Việt Nam.
60	Vật liệu xây dựng	Học phần Vật liệu xây dựng giới thiệu kiến thức nền tảng về các loại vật liệu chủ yếu dùng trong xây dựng. Đây là cơ sở cho những môn học thuộc nhóm chuyên ngành Xây dựng như Nền móng, Kết cấu Bê tông cốt thép, Công nghệ bê tông, Kỹ thuật sản xuất chất kết dính, Công nghệ gôm xây dựng. Ngoài ra, những kiến thức về VLXD cung cấp trong học phần còn phục vụ cho kỹ sư xây dựng hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, thi công, tư vấn giám sát, kiểm định.
61	Xã hội học đô thị	Xã hội học Đô thị là môn học chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản môn Xã hội học, xã hội học đô thị và vai trò của môn xã hội học đô thị đối với người làm nghề trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về phương pháp nghiên cứu, điều tra xã hội học và nghiên cứu khoa học, qua đó, sinh viên hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học cho bản thân. Đây là những nền tảng quan trọng để sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan về chuyên ngành Xã hội học Đô thị.
62	Anh Văn A2.1	Học phần Anh văn 1 được phân phối thành 4 bài học như sau: Unit 1 (Week 1 & 2); Unit 1+ 2 (Week 3); Unit 2 (Week 1 & 2 & 3 & 4); Unit 3 (Week 6 & 7 & 8); Unit 4 (Week 8 & 9 & 10); Revision (Week 11).
63	Anh Văn A2.2	Học phần Anh văn 2 được phân phối thành 3 bài học như sau: Unit 5 (Week 1,2,3,4); Unit 6 (Week 4,5,6); Unit 7 (Week 1 & 2 & 3 & 4); Unit 3 (Week 7,8,9); Revision (Week 10,3).
64	Đồ án thiết kế kiến trúc nhỏ	Đồ án kiến trúc nhỏ là loại đồ án thiết kế các công trình phổ biến trong đời sống hàng ngày của đô thị như quán hoa, quán sách, quán giải khát... Thông qua các kiến thức về kiến trúc nhập môn và lý thuyết sáng tác đã học cộng thêm với kỹ năng thể hiện, sinh viên được yêu cầu thiết kế một công trình đáp ứng được yêu cầu sử dụng, tạo điểm nhấn trong đô thị, thể hiện được khả năng tư duy cũng như khả năng trình bày đồ án.

65	Cơ sở kiến trúc 2	Cơ sở kiến trúc 2 có nội dung chính là: các đặc điểm của cảm quan thị giác cung cấp những kiến thức cơ bản về lực thị giác và hình giăng thị giác giúp cho người học áp dụng bố cục được các đối tượng thị giác trên mặt phẳng và tạo được sự cân bằng động. Nguyên tắc chính của kỹ thuật pha và vẽ màu nước, màu bột trong các kiến trúc.
66	Triết học Mác-Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác- Lênin, giúp cho người học những hiểu được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
67	Vẽ mỹ thuật 3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản để hiểu tác phẩm nghệ thuật, bố cục tạo hình và vẽ tượng toàn thân. Qua đó, sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức để nhận thức thẩm mỹ trong thiết kế kiến trúc, sáng tác mỹ thuật và hỗ trợ rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
68	Vẽ ghi	Môn học giúp cho sinh viên biết được những nguyên tắc cơ bản và trình tự của công tác vẽ ghi một công trình đã có. Thể hiện trung thực, chính xác hiện trạng và đầy đủ thông tin. Nội dung bao gồm: các phương pháp đo vẽ, làm việc tại hiện trường, tập làm quen với công tác ghi chép số liệu, bổ sung các số liệu còn thiếu, kiện toàn số liệu - thể hiện khối lượng. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên có được kỹ năng phối hợp làm việc giữa các thành viên một cách hợp lý, gắn bó mang tính tập thể. Rèn luyện tay nghề về phương pháp thể hiện và phương pháp làm việc.
69	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần được kết cấu thành 2 phần chính: Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
70	Thiết kế nhanh 1	Sinh viên phải phân tích được đề bài để xác định cho mình tư tưởng chủ đạo của yêu cầu thiết kế từ đó xây dựng phương án có tính biểu hiện cao. Do vậy đề bài thường là những đề tài mang tính khái quát trừu tượng hay độc đáo gây được cảm hứng cho sinh viên.
71	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần được kết cấu thành 2 phần chính: Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác -

		<p>Lênin.</p> <p>Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>
72	Thiết kế nhanh 2	Sinh viên phải phân tích được đề bài để xác định cho mình tư tưởng chủ đạo của yêu cầu thiết kế từ đó xây dựng phương án có tính biểu hiện cao. Do vậy đề bài thường là những đề tài mang tính khái quát trừu tượng hay độc đáo gây được cảm hứng cho sinh viên.
73	Kinh tế và quản lý doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến vấn đề kinh tế kỹ thuật và quản lý bao gồm kiến thức về tổ chức doanh nghiệp, kiến thức về quản trị sản xuất, kiến thức về quản trị tài chính, và kiến thức về quản lý dự án. Thông qua học phần này, sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích, và giải quyết các vấn đề liên quan trong sản xuất, vận hành, quản lý một cách hiệu quả.
74	Quản lý dự án	Môn học này trình bày một số vấn đề mở đầu về quản lý đầu tư xây dựng; các loại hình dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam; quản lý và tổ chức thiết kế công trình; các phương pháp đánh giá giải pháp thiết kế công trình xây dựng; công tác đấu thầu xây dựng; quản lý hợp đồng trong xây dựng.
75	Kỹ thuật tổ chức thi công	Kỹ thuật thi công cung cấp cho sinh viên những hiểu biết để giải quyết những vấn đề kỹ thuật và tổ chức thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
76	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thời kỳ đổi mới.